

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CỬ NHÂN KINH TẾ VẬN TẢI THỦY
(Dành cho sinh viên từ khóa 62)

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH: KINH TẾ VẬN TẢI THỦY
NGÀNH: KINH TẾ VẬN TẢI
MÃ NGÀNH: 7840104

HẢI PHÒNG, 9/2021

MỤC LỤC

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH	2
1.1. Giới thiệu chương trình	2
1.2. Thông tin chung về chương trình	2
1.3. Triết lý giáo dục	2
1.4. Nhiệm vụ/sứ mạng của chương trình	2
1.5. Mục tiêu của chương trình	2
1.6. Kết quả học tập dự kiến	3
1.7. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp	12
1.8. Tiêu chuẩn nhập học, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp	13
1.9. Các chiến lược dạy - học và phương pháp đánh giá	14
2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	
2.1. Cấu trúc chương trình và phân nhiệm kết quả học tập mong đợi về kiến thức	16
2.2. Ma trận phân nhiệm kết quả học tập mong đợi về kỹ năng, thái độ	18
2.3. Kế hoạch học tập toàn khóa	22
2.4. Tóm tắt các học phần	25

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH

1.1. Giới thiệu chương trình

Chương trình đào tạo chuyên ngành Kinh tế vận tải thủy do Khoa Kinh tế xây dựng, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam thẩm định và ban hành. Chương trình được định kỳ rà soát, cập nhật, chỉnh sửa đáp ứng nhu cầu thực tiễn đối với sinh viên tốt nghiệp cũng như đáp ứng đầy đủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam. Người học khi tham gia chương trình được đào tạo không chỉ về kiến thức mà còn được rèn luyện cả về kỹ năng, thái độ đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam cũng như một số yêu cầu quốc tế khác đối với năng lực của người lao động trong thế kỷ 21.

1.2. Thông tin chung về chương trình

Tên chương trình:	CTĐT cử nhân Kinh tế vận tải thủy
Cơ quan/Viện trao bằng cấp:	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam
Các đơn vị tham gia giảng dạy:	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam
Chứng nhận chuyên môn:	Bằng đại học
Học vị sau tốt nghiệp:	Cử nhân
Mô hình học tập:	Toàn thời gian
Tổng số tín chỉ:	122
Ngôn ngữ sử dụng:	Tiếng Việt
Thời lượng đào tạo:	4 năm (8 học kỳ)
Website:	http://vimaru.edu.vn
Cập nhật lần cuối:	Tháng 9/2021

1.3. Triết lý giáo dục

Triết lý giáo dục của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam: “Trí tuệ - Sáng tạo - Trách nhiệm - Nhân văn”.

1.4. Nhiệm vụ/sứ mạng của chương trình

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ chiến lược phát triển kinh tế biển và công cuộc xây dựng bảo vệ tổ quốc, hội nhập quốc tế nói chung.

1.5. Mục tiêu của chương trình

Đào tạo cử nhân ngành vận tải thủy nội địa có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có ý thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình

độ đào tạo, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo. Nắm vững kiến thức về các yếu tố thị trường vận tải thủy nội địa, đặc điểm sản xuất kinh doanh cũng như các chỉ tiêu khai thác và hiệu quả kinh doanh trong vận tải thủy nội địa; vấn đề chung của cảng, hoạt động của cảng, quản lý cảng; chứng từ trong vận tải thủy nội địa; Kiến thức cơ bản liên quan đến chế độ pháp lý trong kinh doanh vận tải thủy nội địa. Chương trình trang bị kiến thức, kỹ năng và phẩm chất cần thiết cho nguồn lao động trong lĩnh vực Kinh tế vận tải. Sinh viên có khả năng tác nghiệp, kinh doanh, phân tích, nghiên cứu về các vấn đề kinh tế vận tải và có khả năng tiếp tục học tập, tham gia ở bậc học cao hơn, tích lũy kinh nghiệm để trở thành nhà lãnh đạo, chuyên gia trong lĩnh vực Kinh tế vận tải thủy, có các kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp, phẩm chất cá nhân như: khả năng lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề, khả năng tư duy hệ thống; có khả năng tự học, khả năng hành xử chuyên nghiệp; có khả năng giao tiếp tốt, khả năng làm việc nhóm hiệu quả. Có khả năng hình thành các ý tưởng, thiết kế, thực hiện và vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp, xã hội và môi trường, có khả năng sáng tạo,... Sinh viên ra trường có tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo, có phẩm chất đạo đức tốt, có kỹ năng giao tiếp tốt và làm việc hiệu quả, có khả năng giao tiếp và làm việc bằng tiếng Anh

1.6. Chuẩn đầu ra của chương trình

Mã số	Nội dung	TĐQG	TĐNL
1	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH		
1.1	Kiến thức cơ bản về toán học và KHTN		
1.1.1	Toán học chuyên đề (toán kinh tế)	K1	T3
1.1.1.1	<i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về toán học tối ưu</i>		3.0
1.1.1.2	<i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về xác suất và quy luật phân bố xác suất</i>		3.0
1.2	Kiến thức cơ bản về KHXH, khoa học chính trị, pháp luật và quản lý		
1.2.1	Kiến thức cơ bản về KHXH, KH chính trị	K2	TU3.5
1.2.1.1	<i>Có khả năng hiểu và tiếp nhận, phản hồi hệ thống những quan điểm về tự nhiên và về xã hội, làm sáng tỏ nguồn gốc,</i>		3.0

	<i>động lực, những quy luật chung của sự vận động, phát triển của tự nhiên và của xã hội loài người.</i>		
1.2.1. 2	<i>Có khả năng hiểu về các phương thức sản xuất, học thuyết kinh tế từ đó hình thành năng lực tư duy lý luận, tư duy độc lập trong phân tích và giải quyết các vấn đề thực tiễn chính trị - xã hội</i>		3.0
1.2.1. 3	<i>Có khả năng hiểu biết mang tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh từ đó góp phần xây dựng nền tảng con người mới.</i>		3.5
1.2.1. 4	<i>Có khả năng hiểu biết về các kiến thức cơ bản có hệ thống về đường lối cách mạng của Đảng bao gồm hệ thống quan điểm, chủ trương về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam từ đó ý thức được trách nhiệm công dân của mình đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng</i>		3.5
1.2.1. 5	<i>Có khả năng áp dụng các hiểu biết về lý luận kinh tế, chính trị, xã hội giải thích lý luận của chủ nghĩa Mác – Lê nin về chủ nghĩa xã hội</i>		3.5
1.2.2	Kiến thức cơ bản về pháp luật	K2	TU2. 5
1.2.2. 1	<i>Có hiểu biết cơ bản về hệ thống pháp luật kinh tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh</i>		2.5
1.2.2. 2	<i>Nắm được địa vị các chủ thể kinh tế trong nền kinh tế quốc dân</i>		2.5
1.3	Kiến thức cơ sở ngành		
1.3.1	Giới thiệu ngành kinh tế	K1	TU2
1.3.1. 1	<i>Giới thiệu tổng quan về ngành kinh tế, bối cảnh hiện tại và triển vọng công việc trong tương lai đối với sinh viên ngành Kinh tế vận tải biển</i>		2.0
1.3.2	Kiến thức cơ sở về kinh tế	K1	TU2. 5
1.3.2. 1	<i>Có khả năng hiểu biết mang tính hệ thống về những khái niệm cơ bản về khoa học kinh tế, lý thuyết cung cầu, lý</i>		2.0

	<i>thuyết về hành vi của người tiêu dùng và hành vi của người sản xuất</i>		
1.3.2. 2	<i>Có hiểu biết cơ bản về các cấu trúc của thị trường, các thất bại thị trường và các biện pháp khắc phục của Chính phủ</i>		2.0
1.3.2. 3	<i>Có hiểu biết mang tính hệ thống về những khái niệm, cách tính toán và ý nghĩa của các biến số kinh tế vĩ mô</i>		2.5
1.3.2. 4	<i>Có hiểu biết cơ bản về những chính sách của chính phủ và tác động của chúng đến nền kinh tế.</i>		2.5
1.3.3	Kiến thức về kết cấu tàu thủy	K1	T3
1.3.3. 1	<i>Những kiến thức đại cương về các đặc trưng kỹ thuật – khai thác của tàu biển: đặc trưng về chiều dài, đặc trưng về trọng lượng và về dung tích, tốc độ tàu, tự hành hay không tự hành, tầm xa bơi lội và một số đặc trưng khác của tất cả các loại tàu vận tải</i>		3.0
1.3.3. 2	<i>Biết được các tính năng hàng hải của con tàu: Tính nổi, Tính ổn định, tính chống chìm, Tính lắc,.. Các kết cấu và kiểu liên kết kết cấu của từng vùng cụ thể trên tàu thủy</i>		3.0
1.3.4	Kiến thức về máy nâng chuyển	K1	T3
1.3.4. 1	<i>Đặc điểm, các thông số cơ bản của Máy nâng chuyển Cầu tạo, nguyên lý hoạt động Máy nâng chuyển Lựa chọn các Máy nâng chuyển phù hợp với mục đích khai thác, sử dụng</i>		3.0
1.3.4. 2	<i>Biết cách đọc các thông số cơ bản của các Máy nâng chuyển. Biết cách nhận dạng, lựa chọn các loại Máy nâng chuyển. Biết đọc các sơ đồ cấu tạo và nguyên lý hoạt động của các loại Máy nâng chuyển</i>		3.0
1.3.5	Kiến thức về logistics, vận tải đa phương thức và chuỗi cung ứng	K1	TU3.0
1.3.5. 1	<i>Có hiểu biết hệ thống khái niệm về Logistics, Logistics kinh doanh, dịch vụ Logistics.</i>		2.5
1.3.5. 2	<i>Có hiểu biết về các loại hình dịch vụ logistics và quy định pháp luật về dịch vụ Logistics.</i>		2.5

1.3.5. 3	<i>Có hiểu biết về các vấn đề cơ bản của Vận tải đa phương thức, chứng từ Vận tải đa phương thức, phạm vi trách nhiệm và trường hợp miễn trách của người kinh doanh vận tải đa phương thức.</i>		2.5
1.3.5. 4	<i>Xây dựng hệ thống chuỗi cung ứng và quản trị chiến lược chuỗi cung ứng thông qua việc giới thiệu cho người học những khái niệm, hoạt động, tác động của thông tin cũng như cách đo lường hiệu quả và xây dựng chuỗi cung ứng trong doanh nghiệp.</i>		3.0
1.3.5. 5	<i>Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng, mô hình quản trị chiến lược chuỗi cung ứng hiện nay.</i>		3.0
1.3.6	Kiến thức về tài chính, kế toán và thuế	K1	TU2. 5
1.3.6. 1	<i>Có khả năng hiểu và vận dụng các lý luận nền tảng về tài chính, tiền tệ trong nền kinh tế thị trường, làm tiền đề để nghiên cứu các môn nghiệp vụ thuộc khối ngành Kinh tế và Tài chính Kế toán, bao gồm các kiến thức chung về thị trường tài chính, tài chính doanh nghiệp, giá trị thời gian của tiền, các định chế tài chính và quá trình cung ứng tiền tệ.</i>		2.0
1.3.6. 2	<i>Có khả năng hiểu và nắm được các kiến thức cơ bản về kế toán trong doanh nghiệp</i>		2.5
1.3.6. 3	<i>Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để làm các công việc kế toán đơn giản, các định khoản đơn giản, lập báo cáo tài chính</i>		2.5
1.3.6. 4	<i>Có khả năng hiểu và vận dụng kiến thức chung về thuế và nội dung cơ bản của chính sách thuế hiện hành. Học phần giúp sinh viên hiểu và vận dụng được cách tính các loại thuế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Học phần đề cập tới các nội dung: Đại cương về thuế; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; thuế tiêu thụ đặc biệt; thuế bảo vệ môi trường; thuế giá trị gia tăng; thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế thu nhập cá nhân.</i>		2.0

1.3.7	Giao dịch thương mại quốc tế	K1	TU2. 5
1.3.7. 1	<i>Có hiểu biết cơ bản về các phương thức giao dịch phổ biến, về hình thức và nội dung của hợp đồng thương mại quốc tế cũng như các điều kiện thương mại quốc tế thường được sử dụng bởi các thương nhân, doanh nghiệp trong quá trình làm ăn buôn bán.</i>		2.5
1.3.7. 2	<i>Sinh viên được rèn luyện một số kỹ năng quan trọng như giao dịch bằng thư tín thương mại, lập hợp đồng thương mại</i>		2.5
1.3.8	Kiến thức về nghiệp vụ hải quan đối với hàng hóa XNK	K1	T3
1.3.8. 1	<i>Có được những kiến thức liên quan đến các cơ sở pháp quy chủ yếu của nghiệp vụ hải quan như xuất xứ hàng hoá, cách xác định trị giá tính thuế, các nghiệp vụ kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan cũng như thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu.</i>		3.0
1.3.8. 2	<i>Có khả năng chuẩn bị hồ sơ để xin cấp giấy chứng nhận xuất xứ, khai hải quan điện tử trên phần mềm khai hải quan hiện hành, làm thủ tục hải quan cho hàng hoá xuất nhập khẩu.</i>		3.0
1.3.9	Kiến thức về thống kê phân tích các hoạt động kinh doanh trong vận tải biển	K1	TU3. 5
1.3.9. 1	<i>Có những hiểu biết mang tính hệ thống về các nguyên tắc, nguyên lý thống kê, các bảng biểu thống kê thường gặp trong thực tiễn.</i>		2.5
1.3.9. 2	<i>Có khả năng áp dụng, xây dựng và cung cấp các phương pháp phân tích đánh giá mặt lượng các hoạt động kinh tế - xã hội của các tổ chức, đơn vị.</i>		2.5
1.3.9. 3	<i>Có khả năng hiểu biết mang tính hệ thống những kiến thức cơ bản về kinh tế lượng, các bước tiến hành để đi lượng hóa mối quan hệ giữa các biến kinh tế, hiểu thế nào là phân tích hồi quy.</i>		3.0

1.3.9. 4	<i>Có hiểu biết cơ bản về hàm hồi quy đơn, hàm hồi quy bội, hàm hồi quy biến giả.</i>		3.0
1.3.9. 5	<i>Có khả năng đánh giá mức độ phù hợp của mô hình, phát hiện các khuyết tật và biện pháp khắc phục nếu có, để có thể phục vụ cho công tác dự báo trong nghiên cứu kinh tế.</i>		3.0
1.3.9. 6	<i>Có khả năng hiểu biết mang tính hệ thống cơ sở lý luận của PTHĐKT, đánh giá chung tình hình SXKD của doanh nghiệp.</i>		3.5
1.3.9. 7	<i>Có khả năng phân tích tình hình thực hiện chỉ tiêu sản lượng, tình hình sử dụng TSCĐ, tình hình Lao động – tiền lương, tình hình thực hiện chỉ tiêu giá thành, tình hình thực hiện chỉ tiêu lợi nhuận, tình hình tài chính.</i>		3.5
1.3.10	Pháp luật kinh tế	K2	T3
1.3.10 .1	<i>kiến thức cơ bản về pháp luật trong kinh doanh thương mại.</i>		3.0
1.3.10 .2	<i>hiểu biết được các vấn đề pháp luật kinh tế, có khả năng vận dụng kiến thức để giải thích những vấn đề pháp lý trong thực tiễn, có khả năng lựa chọn, thành lập, quản trị doanh nghiệp, đàm phán ký kết hợp đồng thương mại cũng như vận dụng pháp luật để giải quyết các tranh chấp trong kinh doanh thương mại.</i>		3.0
1.3.11	Thực tập cơ sở ngành	K1	TU2. 5
1.3.11 .1	<i>Có khả năng tìm hiểu thực tế và viết báo cáo thực tập</i>		2.5
1.4	Kiến thức chuyên ngành, phương pháp và công cụ		
1.4.1	Kiến thức chuyên ngành về địa lý vận tải biển	K1	T3
1.4.1. 1	<i>Giúp người học nhận thức về những ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên như vị trí địa lý, các hiện tượng thời tiết khí hậu đối với hoạt động vận tải biển.</i>		3.0
1.4.1. 2	<i>Trang bị kiến thức cơ bản về mặt địa lý cho sinh viên, có thể tự tìm các tuyến vận tải phổ biến trên thế giới, các kênh đào, eo biển quan trọng.</i>		3.0

1.4.2	Kinh tế vận chuyển đường biển	K1	T3.5
1.4.2.1	<i>Giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về Kinh tế vận chuyển bằng đường biển và ảnh hưởng của các yếu tố tới công tác kinh doanh khai thác đội tàu vận tải biển.</i>		3.5
1.4.2.2	<i>Cung cấp sinh viên kiến thức về đặc điểm ngành, tổng quan về kinh tế vận tải biển, thị trường vận tải, cung cầu vận chuyển, chi phí vận tải biển, giá cước vận tải đường biển, các chỉ tiêu kinh tế - khai thác và hiệu quả trong vận tải biển cũng như các kiến thức tổng quát có liên quan.</i>		3.5
1.4.3	Kiến thức về đại lý môi giới tàu và giao nhận hàng hóa	K1	TU3.5
1.4.3.1	<i>Giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về Đại lý tàu biển và giao nhận hàng hóa tại cảng biển và các khung pháp lý chi phối tới hoạt động đại lý tàu biển và giao nhận ở Việt Nam. Trang bị kiến thức cơ bản và thực hành các kỹ năng kỹ thuật cơ bản về hoạt động môi giới trong lĩnh vực hàng hải.</i>		3.5
1.4.3.2	<i>Người học được cung cấp các kiến thức cần thiết để hoàn thiện kỹ năng nhằm thực hiện tốt công việc của người đại lý.</i>		3.5
1.4.3.3	<i>Nâng cao khả năng làm việc và thảo luận nhóm, rèn luyện khả năng tư duy, giải quyết tình huống.</i>		3.5
1.4.4	Kiến thức chuyên ngành về quản lý tổ chức và khai thác cảng biển	K1	TU3.5
1.4.4.1	<i>Giúp cho sinh viên hiểu vai trò, chức năng của cảng biển, các trang thiết bị tại cảng.</i>		3.0
1.4.4.2	<i>Hiểu được những vấn đề chung về cảng. Thị trường phục vụ của cảng. Hoạt động của cảng và quản lý cảng. Tài sản cố định trong quá trình sản xuất ở cảng. Tổ chức sản xuất kỹ thuật ở cảng. Chi phí sản xuất phục vụ ở cảng. Hiệu quả kinh tế của hoạt động sản xuất phục vụ ở cảng</i>		3.0

1.4.4. 3	<i>Giúp sinh viên hiểu được nguyên lý cơ bản trong công tác quản lý sản xuất ở cảng; công tác bốc dỡ hàng hóa đến cảng; khả năng thông qua của các khâu; nhân lực trong bốc dỡ hàng ở cảng; nguyên lý khi lựa chọn thiết bị xếp dỡ, công cụ mang hàng cũng như việc điều động phương tiện, thiết bị và nhân lực khi phục vụ tàu đến cảng</i>		3.5
1.4.4. 4	<i>Giúp cho sinh viên áp dụng kiến thức đã học vào tiến hành tổ chức sản xuất ở cảng</i>		3.5
1.4.5	Kiến thức chuyên ngành về quản lý tổ chức và khai thác tàu biển	K5	TU4
1.4.5. 1	<i>Giúp sinh viên hiểu được nghiệp vụ quản lý tàu biển, Hợp đồng quản lý tàu, Hợp đồng quản lý thuyền viên và dự án đầu tư tàu.</i>		3.0
1.4.5. 2	<i>Giúp sinh viên áp dụng kiến thức đã học vào lập dự án mua tàu, lập hợp đồng quản lý tàu.</i>		3.0
1.4.5. 3	<i>Môn học cung cấp cho học viên có những kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ khai thác tàu vận tải biển theo các hình thức tổ chức vận chuyển.</i>		4.0
1.4.5. 4	<i>Kỹ năng đàm phán ký kết hợp đồng vận chuyển, hợp đồng cho thuê tàu, kỹ năng soạn thảo và phát hành chứng từ vận chuyển, kỹ năng tổ chức chuyến đi và đánh giá chuyến đi của tàu.</i>		4.0
1.4.6	Luật vận tải biển	K2	TU3. 5
1.4.6. 1	<i>Giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về pháp luật vận tải biển của Việt nam và những quy định theo các điều ước quốc tế</i>		3.5
1.4.6. 2	<i>Hoàn thiện khả năng tìm kiếm thông tin, nghiên cứu tài liệu, phân tích và xử lý tình huống trong thực tiễn có thể gặp phải.</i>		3.5
1.4.9	Bảo hiểm hàng hải	K1	T3
1.4.9. 1	<i>Có kiến thức khái quát về bảo hiểm nói chung và các kiến thức chuyên ngành về bảo hiểm hàng hải.</i>		3.0

1.4.9. 2	<i>Kỹ năng đàm phán, ký kết hợp đồng bảo hiểm hàng hải: Bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường biển, Bảo hiểm thân tàu và Bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ tàu. Kỹ năng giải quyết khiếu nại khi đối tượng bảo hiểm bị tổn thất.</i>		3.0
1.4.10	Thực tập chuyên ngành KTB và tốt nghiệp	K4	U3.5
1.4.10 .1	<i>Tìm hiểu và viết báo cáo về 1 trong các nghiệp vụ sau của doanh nghiệp: nghiệp vụ khai thác tàu và phương tiện vận tải biển, khai thác, kinh doanh cảng thủy, giao nhận hàng hóa,</i>		3.5
1.4.10 .2	<i>Tìm hiểu, viết và bảo vệ một trong các nghiệp vụ chuyên môn: trong các doanh nghiệp vận tải biển, cảng biển, các công ty dịch vụ trong ngành công nghiệp vận tải biển,</i>		4.0
1.4.10 .3	<i>Xây dựng một kế hoạch tổ chức kinh doanh trong lĩnh vực chuyên môn: tại các doanh nghiệp vận tải biển, cảng biển, các công ty dịch vụ trong ngành công nghiệp vận tải biển,</i>		4.0
1.4.11	Kiến thức tốt nghiệp	K4	U3.5
1.4.11 .1	<i>Lập kế hoạch giải phóng tàu tại Cảng, tổ chức chuyển đi cho tàu chuyển hoặc tàu định tuyến; tổ chức vận chuyển một lô hàng XNK cụ thể.</i>		3.5
1.4.11 .2	<i>Đánh giá đặc điểm kinh doanh vận tải biển; các chế định pháp luật chi phối kinh doanh vận tải biển; Thị trường vận tải và các vấn đề liên quan đến dự báo thị trường và các phương pháp đánh giá hiệu quả kinh doanh.</i>		3.5
1.4.11 .3	<i>Các nghiệp vụ chủ yếu kinh doanh trong lĩnh vực vận tải biển.</i>		3.5
1.4.11 .4	<i>Phân tích các nhân tố tác động đến giá dịch vụ cảng, các yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh cảng trong kinh doanh cảng biển; các chế định pháp luật chi phối kinh doanh khai thác cảng biển</i>		3.5
1.4.11 .5	<i>Các cách đánh giá hiệu quả đầu tư và khai thác cảng.</i>		3.5
1.5	Kiến thức tự chọn		

1.5.1	Anh văn cơ bản	K1	TU3
1.5.1.1	<i>Biết các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong giao tiếp, gồm các vấn đề về cấu trúc câu, thời động từ, mệnh đề quan hệ, liên từ, các cấp so sánh., v.v</i>		2.0
1.5.1.2	<i>Sử dụng các hoạt động giúp củng cố kỹ năng nghe, nói, đọc viết dưới nhiều chủ đề khác nhau.</i>		2.0
1.5.1.3	<i>Có kiến thức cao hơn về các hiện tượng ngữ pháp trong giao tiếp, gồm các thời động từ (quá khứ, hiện tại hoàn thành, quá khứ hoàn thành), danh động từ, động từ nguyên mẫu, động từ khuyết thiếu, thành ngữ động từ, giới từ, đại từ, câu bị động, câu trực tiếp, gián tiếp ., v.v.</i>		2.5
1.5.1.4	<i>Kỹ năng nghe gồm các bài hội thoại, phỏng vấn, chương trình phát thanh, v.v. Kỹ năng nói luyện chuyên sâu kỹ năng trả lời interview (phỏng vấn) và tự trình bày ngắn về các chủ đề quen thuộc với cuộc sống như gia đình, sở thích, quê hương, lễ hội, du lịch, phát thanh, truyền hình, thời tiết, v.v. Kỹ năng viết chuyên sâu về việc sử dụng đúng ngữ pháp, đúng cấu trúc câu để viết đoạn văn có độ dài trung bình (80-100 từ). Đọc gồm các bài báo ngắn về thể thao, động vật, trường học, phát minh, sức khỏe, lối sống, v.v.</i>		2.5
1.5.1.5	<i>Học phần này tiếp tục củng cố và mở rộng kiến thức ngữ pháp trong giao tiếp, gồm các thời động từ (thể hiện tại, quá khứ, tương lai), so sánh, động từ khuyết thiếu, v.v. Các chủ đề từ vựng tiếp tục trải rộng từ thể thao, thực phẩm, gia đình, tiền bạc, lối sống, du lịch, giao thông, văn hóa ..v..v</i>		3.0
1.5.1.6	<i>Chương trình cũng bao gồm các hoạt động giúp củng cố kỹ năng nghe, nói, đọc viết dưới nhiều chủ đề khác nhau. Kỹ năng nghe gồm các bài hội thoại, phỏng vấn, chương trình phát thanh, v.v.</i>		3.0
1.5.2	Toán kinh tế	K1	TU3. 5
1.5.2.1	<i>Phân tích xây dựng những mô hình toán học được sử dụng để giải quyết nhiều bài toán thực tế, chẳng hạn như bài toán phân phối luồng hàng và quy hoạch tuyến đường vận</i>		3.0

	<i>chuyển tối ưu, bài toán về lập kế hoạch tác nghiệp xếp dỡ ở cảng, lập kế hoạch phân bổ tàu trên các tuyến tàu chợ, điều tàu thực hiện các chuyến đi của tàu chuyển, phân công lao động theo các vị trí công tác khác nhau...</i>		
1.5.2. 2	<i>Có khả năng xây dựng, lập kế hoạch và tổ chức sản xuất dựa trên các mô hình toán tối ưu một cách hiệu quả</i>		3.5
1.5.3	Đại cương hàng hải	K1	T2.5
1.5.3. 1	<i>Biết được nguyên lý cơ bản về hàng hải cách xác định phương hướng, hoạt động của các trang thiết bị máy điện, luật giao thông...</i>		2.5
1.5.3. 2	<i>Vận dụng phương pháp hàng hải trên biển, cách tính và lập tuyến đường hàng hải, nguyên lý hoạt động và khai thác hiệu quả các trang thiết bị phụ trợ hàng hải, luật giao thông và công tác tìm kiếm cứu nạn trên biển, phương pháp vận chuyển, bảo quản các loại hàng hóa bằng phương thức vận tải đường biển và các công ước quốc tế về hàng hải.</i>		2.5
1.5.4	Công trình cảng	K1	T2.5
1.5.4. 1	<i>Có kiến thức về thiết kế quy hoạch cũng như cấu tạo của các cảng biển và cảng sông.</i>		2.5
1.5.4. 2	<i>Biết được các yếu tố ảnh hưởng đến thiết kế quy cảng; Khu đất và khu nước của cảng; Cơ giới hóa công tác xếp dỡ ở cảng; Kho bãi ; Giao thông trong và ngoài cảng; Tổng bình đồ cảng; Những khái niệm chung về công trình bến; Tải trọng tác động lên công trình bến; Các loại công trình bến và thiết bị phụ trợ.</i>		2.5
1.5.5	Kinh tế công cộng	K1	T2.5
1.5.5. 1	<i>Có kiến thức cơ bản về vị trí, vai trò của chính phủ song song với các lý thuyết về phân phối nguồn lực một cách hiệu quả.</i>		2.5
1.5.5. 2	<i>Hiểu các dạng thất bại thị trường bao gồm thất bại về tính hiệu quả trong sử dụng nguồn lực, thất bại về phân phối thu nhập, sự bất ổn mang tính chất chu kỳ của nền kinh tế cũng như vấn đề ra quyết định trong khu vực công cộng. đến tác động của các chính sách của chính phủ trong việc khắc phục</i>		2.5

	<i>khuyết tật của nền kinh tế nhằm hướng nền kinh tế về trạng thái như mong muốn.</i>		
1.5.6	Kinh tế phát triển	K1	T2.5
1.5.6.1	<i>Biết những vấn đề liên quan đến kinh tế phát triển bao gồm: đặc trưng của các nước đang phát triển, các phương pháp đánh giá sự phát triển kinh tế ở mỗi quốc gia cả về mặt lượng cũng như mặt chất, các nguồn lực của quá trình phát triển kinh tế và vai trò của các nguồn lực đó đối với sự phát triển kinh tế của mỗi quốc gia.</i>		2.5
1.5.6.2	<i>Hiểu rõ những học thuyết, mô hình kinh tế được sử dụng để lý giải sự biến động của hệ thống kinh tế của mỗi quốc gia như là sự tăng trưởng kinh tế hay sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế.</i>		2.5
1.5.7	Kinh tế quốc tế	K1	T3
1.5.7.1	<i>Biết các vấn đề cơ bản về các quan hệ kinh tế quốc tế như khái niệm, nội dung, tính chất.</i>		3.0
1.5.7.2	<i>Hiểu về liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế như khái niệm, đặc trưng của liên kết kinh tế quốc tế; bản chất, tính tất yếu khách quan của hội nhập kinh tế quốc tế; các tác động của liên kết và hội nhập; các loại hình liên kết và hội nhập</i>		3.0
1.5.8	Thương mại điện tử	K1	T3
1.5.8.1	<i>Biết các khái niệm, thuật ngữ, hệ thống các chỉ tiêu phân tích đánh giá hiệu quả, tình hình thực tiễn, xu hướng phát triển... của hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam cũng như trên thế giới.</i>		3.0
1.5.8.2	<i>Nghiên cứu các ứng dụng của thương mại điện tử; hiểu những vấn đề về cơ sở vật chất kỹ thuật và pháp lý về thương mại điện tử.</i>		3.0
1.5.9	Thị trường chứng khoán	K1	T3
1.5.9.1	<i>Có khả năng hiểu được tổng quan về thị trường chứng khoán thế giới cũng như của Việt Nam</i>		3.0

1.5.9. 2	<i>Có khả năng hiểu cách tính cũng như ý nghĩa của các chỉ số: thu nhập một cổ phiếu thường, hệ số P/E, giá trị sổ sách một cổ phiếu thường...</i>		3.0
1.5.9. 3	<i>Có khả năng hiểu và vận dụng các kiến thức đã học để giao dịch chứng khoán</i>		3.0
1.5.10	Kế toán doanh nghiệp	K1	T3
1.5.10 .1	<i>Tổ chức công tác thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin về hoạt động SXKD, tình hình tài chính của doanh nghiệp cho các cơ quan chức năng, các tổ chức, các cá nhân có liên quan đến trách nhiệm và quyền lợi của doanh nghiệp.</i>		3.0
1.5.10 .2	<i>Thực hành kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp các phần hành Kế toán vốn bằng tiền, Kế toán hàng tồn kho, Kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp. Biết lập chứng từ, luân chuyển chứng từ, định khoản vào các sổ sách kế toán liên quan tới nghiệp vụ cụ thể trong doanh nghiệp với các phần hành kế toán ở trên.</i>		3.0
1.5.11	Nghiệp vụ kho hàng	K1	T3
1.5.11 .1	<i>Có khả năng hiểu khái niệm cơ bản nhất về kho, phương pháp lưu trữ, bảo quản hàng, quy trình nghiệp vụ xuất, nhập hàng qua kho, quản lý tồn kho</i>		3.0
1.5.11 .2	<i>Vận dụng được nguyên lý vận hành và các quy tắc bảo đảm an toàn khi sử dụng các trang thiết bị xếp dỡ, vận chuyển hàng trong kho.</i>		3.0
1.5.12	Tổ chức LĐ tiền lương	K1	T3
1.5.12 .1	<i>Có kiến thức cơ bản và có hệ thống về tổ chức lao động và tiền lương trong doanh nghiệp; tìm hiểu về tổ chức lao động khoa học và nội dung của tổ chức lao động khoa học trong doanh nghiệp;</i>		3.0
1.5.12 .2	<i>Nắm được phương pháp định mức lao động và các phương pháp định mức kỹ thuật lao động; nghiên cứu công tác định mức kỹ thuật lao động trong công tác xếp dỡ hàng hóa ở cảng; có được các kiến thức về công tác tổ chức tiền lương trong doanh nghiệp, lập kế hoạch lao động và tiền lương.</i>		3.0

1.5.13	Kỹ năng mềm	K2	TU3
1.5.13 .1	<i>Có kỹ năng cơ bản để thực hiện hoạt động giao tiếp, hình thành kỹ năng ứng xử một cách linh hoạt, tạo tự tin khi giao tiếp</i>		2.5
1.5.13 .2	<i>Hoàn thiện kỹ năng thuyết trình của bản thân, cung cấp các phương pháp luyện tập hữu ích để thuyết trình thành công</i>		2.5
1.5.13 .3	<i>Kỹ năng lập hồ sơ và phỏng vấn tuyển dụng, kỹ năng làm việc hiệu quả.</i>		3.0
1.5.13 .4	<i>Có các kỹ năng cần thiết để thành công trong quá trình phỏng vấn tuyển dụng và đạt hiệu quả cao trong công việc.</i>		3.0
1.5.14	Pháp luật kinh doanh quốc tế	K2	T3
1.5.14 .1	<i>Có kiến thức về luật thương mại trong môi trường kinh doanh quốc tế, cụ thể là vấn đề pháp luật kinh doanh quốc tế trong đó có nghiên cứu tổng quan về các hệ thống pháp luật trên thế giới.</i>		3.0
1.5.14 .2	<i>Hiểu được cách giải quyết tranh chấp trong kinh doanh quốc tế thông qua hình thức thương lượng hoặc các cơ quan tài phán trong nước và quốc tế.</i>		3.0
1.5.15	Môi trường và bảo vệ môi trường	K2	T2.5
1.5.15 .1	<i>Hiểu được các kiến thức cơ bản về môi trường và tài nguyên; giải thích được một số dạng ô nhiễm các thành phần môi trường và vấn đề biến đổi khí hậu; hiểu được mối quan hệ giữa dân số với các áp lực tài nguyên và môi trường, biết được các giải pháp về mặt chiến lược, quản lý và kỹ thuật đối với nhiệm vụ bảo vệ tài nguyên và môi trường.</i>		2.5
1.5.15 .2	<i>Nhận thức được vai trò của bản thân và có thái độ ứng xử đúng đắn trong vấn đề bảo vệ môi trường và sử dụng tài nguyên hợp lý.</i>		2.5
1.5.16	Tin học văn phòng	K3	T3
1.5.16 .1	<i>Nắm bắt các chức năng cơ bản và nâng cao trong soạn thảo, hiệu chỉnh văn bản trên Word, Excel</i>		3.0

1.5.16 .2	<i>Thành thạo trong việc soạn thảo văn bản trên Word - Thành thạo trong việc sử dụng bảng tính trên Excel.- Hình thành nhận thức về việc thiết kế các văn bản, bảng tính theo yêu cầu thực tế phát sinh, phát hiện và sửa chữa các lỗi thông thường trong soạn thảo.</i>		3.0
1.5.17	Văn hóa doanh nghiệp	K5	T2.5
1.5.17 .1	<i>Giới thiệu những kiến thức tổng quát về văn hóa doanh nghiệp; các loại hình văn hóa doanh nghiệp; một số vấn đề về đạo đức kinh doanh</i>		2.5
1.5.17 .2	<i>những nội dung cơ bản về văn hóa doanh nhân và xây dựng văn hóa doanh nghiệp.</i>		2.5
1.5.18	Quản trị doanh nghiệp	K5	T3
1.5.18 .1	<i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về phương pháp quản lý của nhà quản trị và các nghiệp vụ quản trị doanh nghiệp như: hoạch định, nhân sự, chi phí và kết quả, kiểm soát.</i>		3.0
1.5.18 .2	<i>Có khả năng xác định đúng mức độ quan trọng của các phương pháp quản lý ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh để mang lại thành công cho doanh nghiệp.</i>		3.0
1.5.19	Quản trị dự án	K5	T2.5
1.5.19 .1	<i>Có những kiến thức về dự án đầu tư, nội dung và trình tự lập dự án, phân tích tài chính, kinh tế xã hội của dự án, quản lý dự án, thẩm định dự án đầu tư.</i>		2.5
1.5.19 .2	<i>Vận dụng hiểu biết của mình về dự án để lập các dự án đầu tư trong thực tiễn.</i>		2.5
2	KỸ NĂNG CÁ NHÂN		
2.1	Lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề		
2.1.1	Xác định và nêu vấn đề	S1	U3.5
2.1.1. 1	<i>Phân tích được dữ liệu và các hiện tượng</i>		3.5

2.1.1. 2	<i>Phân tích các giả định và những nguồn định kiến</i>		3.5
2.1.2	Ước lượng và phân tích định tính, phân tích các yếu tố bất định	S1	U3.5
2.1.2. 1	<i>Hiểu và phân tích các biên độ, giới hạn và khuynh hướng</i>		3.5
2.1.2. 2	<i>Phân tích các giới hạn và dự phòng</i>		3.5
2.1.3	Các giải pháp và khuyến nghị	S1	U3.5
2.1.3. 1	<i>Chọn các kết quả quan trọng của các giải pháp và kiểm tra dữ liệu</i>		3.5
2.1.3. 2	<i>Phát hiện các khác biệt trong các kết quả</i>		3.5
2.2	Tư duy tầm hệ thống		
2.2.1	Tư duy toàn cục	S3	U3.5
2.2.1. 1	<i>Hiểu hệ thống, chức năng và sự vận hành, và các thành phần</i>		3.5
2.2.2	Sắp xếp trình tự ưu tiên và tập trung	S3	U3.5
2.2.2. 1	<i>Phát hiện tất cả các nhân tố liên quan đến toàn hệ thống</i>		3.5
2.2.2. 2	<i>Phát hiện các nhân tố chính yếu từ trong hệ thống</i>		3.5
2.4	Thái độ, tư tưởng và học tập		
2.4.1	Kiên trì, sẵn sàng và quyết tâm, tháo vát và linh hoạt	S1	U3.5
2.4.1. 1	<i>Xác định ý thức trách nhiệm về kết quả</i>		3.5
2.4.1. 2	<i>Cho thấy sự tự tin, lòng can đảm, và niềm đam mê</i>		3.5
2.4.1. 3	<i>Cho thấy Sự quyết tâm hoàn thành mục tiêu</i>		3.5
2.4.2	Tư duy suy xét	S1	T3.0

2.4.2. 1	<i>Giải thích mục đích, nêu vấn đề hoặc sự kiện</i>		3.0
2.4.2. 2	<i>Áp dụng những lập luận lô-gic (và biện chứng) và giải pháp</i>		3.0
2.4.3	Học tập và rèn luyện suốt đời	S1	T2.5
2.4.3. 1	<i>Xác định động lực tự rèn luyện thường xuyên</i>		2.5
2.4.3. 2	<i>Xây dựng các kỹ năng tự rèn luyện</i>		2.5
2.5	Đạo đức, công bằng và các trách nhiệm khác		
2.5.1	Đạo đức, liêm chính và trách nhiệm xã hội	S2	U3.5
2.5.1. 1	<i>Tạo ra các tiêu chuẩn và nguyên tắc về đạo đức của bản thân</i>		3.5
2.5.1. 2	<i>Cho thấy tính trung thực</i>		3.5
2.5.2	Hành xử chuyên nghiệp	S2	U3.5
2.5.2. 1	<i>Cho thấy phong cách chuyên nghiệp</i>		3.5
3	KỸ NĂNG GIAO TIẾP: LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP		
3.1	Làm việc nhóm		
3.1.1	Tổ chức nhóm hiệu quả	C1	U3.5
3.1.1. 1	<i>Xác định vai trò và trách nhiệm của nhóm</i>		3.5
3.1.1. 2	<i>Đánh giá các điểm mạnh và điểm yếu của nhóm và các thành viên</i>		3.5
3.1.2	Hoạt động nhóm	S4,C1	U3.5
3.1.2. 1	<i>Xác định các mục tiêu và công việc cần làm</i>		3.5
3.1.2. 2	<i>Vận dụng hoạch định và tạo điều kiện cho các cuộc họp có hiệu quả</i>		3.5

3.1.2. 3	<i>Vận dụng giao tiếp hiệu quả (lắng nghe, hợp tác, cung cấp và đạt được thông tin một cách chủ động)</i>		3.5
3.1.2. 4	<i>Cho thấy khả năng phản hồi tích cực và hiệu quả</i>		3.5
3.2	Giao tiếp		
3.2.1	Giao tiếp bằng văn bản	S5	U3.5
3.2.1. 1	<i>Cho thấy khả năng viết mạch lạc và trôi chảy</i>		3.5
3.2.1. 2	<i>Cho thấy khả năng viết đúng chính tả, chấm câu, và ngữ pháp</i>		3.5
3.2.1. 3	<i>Cho thấy khả năng định dạng văn bản, sử dụng thành thạo các chức năng cơ bản của MS Word</i>		3.5
3.2.2	Giao tiếp điện tử/ đa truyền thông	S5	U3.5
3.2.2. 1	<i>Cho thấy khả năng chuẩn bị bài thuyết trình điện tử</i>		3.5
3.2.2. 2	<i>Cho thấy khả năng sử dụng thư điện tử, lời nhắn, và hội thảo qua video</i>		3.5
3.3	Giao tiếp bằng ngoại ngữ (ngoài yêu cầu chung về TOEIC 450, sinh viên cần có)		
3.3.1	Kỹ năng nghe	S6	U3.5
3.3.1	<i>Có thể hiểu rõ ràng về một vấn đề quen thuộc, thường xuyên gặp phải trong công việc, học tập... có thể hiểu được những điểm chính liên quan đến nghề nghiệp khi chúng được trình bày tương đối chậm và rõ ràng</i>		3.5
3.3.2	Kỹ năng đọc	S6	U3.5
3.3.2. 1	<i>Có thể hiểu được các văn bản liên quan đến công việc;</i>		3.5
3.3.3	Kỹ năng nói	S6	U3.5
3.3.3. 1	<i>Có thể trao đổi trực tiếp và ngắn gọn thông tin về những đề tài và các hoạt động quen thuộc, những công việc đơn giản thường gặp;</i>		3.5

3.3.4	Kỹ năng viết	S6	U3.5
3.3.4.1	<i>Có thể viết mạch lạc những vấn đề trong hợp đồng thuê tàu, chuyên ngành vận tải biển</i>		3.5
4	NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP TRONG NGÀNH KINH TẾ VẬN TẢI BIỂN		
4.1	Nhận thức về bối cảnh bên ngoài, xã hội và môi trường hàng hải toàn cầu		
4.1.1	Vai trò và trách nhiệm của người cử nhân kinh tế vận tải biển	S2, C2	T3.0
4.1.1.1	<i>Xác định các mục tiêu và vai trò của ngành nghề</i>		3.0
4.1.1.2	<i>Xác định các trách nhiệm của cử nhân đối với xã hội và một tương lai bền vững</i>		3.0
4.1.2	Bối cảnh lịch sử và văn hóa của kinh tế hàng hải trên phạm vi toàn cầu	S2	T3.0
4.1.2.1	<i>Phân biệt được bản chất đa dạng và lịch sử của xã hội loài người cũng như các truyền thống ngành hàng hải</i>		3.0
4.1.2.2	<i>Xác định sự quốc tế hóa của hoạt động con người</i>		3.0
4.1.3	Phát triển quan điểm kinh tế hàng hải toàn cầu	S2	U3.5
4.1.3.1	<i>Xác định vận tải biển mang tính chất toàn cầu, chịu nhiều ảnh hưởng</i>		3.5
4.2	Nhận thức về bối cảnh doanh nghiệp và kinh doanh trong ngành vận tải biển		
4.2.1	Tôn trọng các nền văn hóa doanh nghiệp khác nhau	S1	U3.5
4.2.1.1	<i>Xác định sự khác biệt về quy trình, văn hóa, và thước đo thành công trong các nền văn hóa doanh nghiệp khác nhau</i>		3.5
4.2.2	Các bên liên quan	S1	U3.5
4.2.2.1	<i>Xác định nghĩa vụ của các bên liên quan</i>		3.5

4.2.2. 2	<i>Phân biệt các bên liên quan và các bên thụ hưởng (chủ sở hữu, nhân viên, khách hàng, v.v.)</i>		3.5
-------------	---	--	-----

Thang trình độ năng lực và phân loại học tập

Thang TDNL	PHÂN LOẠI HỌC TẬP		
	Lĩnh vực Kiến thức (Bloom, 1956)	Lĩnh vực Thái độ (Krathwohl, Bloom, Masia, 1973)	Lĩnh vực Kỹ năng (Simpson, 1972)
1. <i>Có biết hoặc trải qua</i>			1. Khả năng Nhận thức 2. Khả năng Thiết lập
2. Có thể tham gia vào và đóng góp cho	1. Khả năng Nhớ	1. Khả năng Tiếp nhận hiện tượng	3. Khả năng Làm theo hướng dẫn
3. Có thể hiểu và giải thích	2. Khả năng Hiểu	2. Khả năng Phản hồi hiện tượng	4. Thuần thục
4. Có kỹ năng thực hành hoặc triển khai trong	3. Khả năng Áp dụng 4. Khả năng Phân tích	3. Khả năng Đánh giá	5. Thành thạo kỹ năng phức tạp 6. Khả năng Thích ứng
5. Có thể dẫn dắt hoặc sáng tạo trong	5. Khả năng Tổng hợp 6. Khả năng Đánh giá	4. Khả năng Tổ chức 5. Khả năng Hành xử	7. Khả năng Sáng chế

1.7. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp

Với mục tiêu đào tạo những nhà quản lý tương lai chương trình Kinh tế vận tải biển trang bị cho sinh viên khả năng vận dụng các kiến thức, kỹ năng và năng lực để tham gia quản lý nhà nước về vận tải biển, quản lý các doanh nghiệp vận tải biển và các doanh nghiệp cảng biển trong nước và nước ngoài, có khả năng định hướng phát triển doanh nghiệp trong từng thời điểm – giai đoạn thích hợp.

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực cạnh tranh và thích ứng nhanh với nền kinh tế toàn cầu.

Sinh viên có khả năng giao tiếp ngoại ngữ bằng tiếng Anh đặc biệt trong ngành Kinh tế vận tải biển với mục đích làm việc trong môi trường quốc tế.

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc tại vị trí Chuyên viên của phòng ban chức năng như Phòng kinh doanh, Phòng kế hoạch, Phòng Marketing, Phòng tổ chức, Phòng hỗ trợ - giao dịch khách hàng, Phòng khai thác hoặc Trợ lý cho nhà quản lý các cấp trong bộ máy quản lý về vận tải biển. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể đảm nhận các công việc tại:

- Các cơ quan quản lý nhà nước về vận tải biển;
- Các doanh nghiệp vận tải biển;
- Các doanh nghiệp cảng biển;
- Các công ty cung cấp dịch vụ logistics;
- Các công ty giao nhận, đại lý, môi giới tàu biển.

Khả năng thăng tiến trong công việc:

- Sinh viên có khả năng nhận được việc làm thêm ngay trong quá trình học.
- Sinh viên có thể đi làm ngay sau khi tốt nghiệp tại các doanh nghiệp Việt Nam và Quốc tế
- Khả năng gia tăng thu nhập và lương.
- Cơ hội tham dự và nhận học bổng từ các chương trình học tập sau đại học tại Việt Nam và Quốc tế.

1.8. Tiêu chuẩn nhập học, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

1.8.1. Tiêu chuẩn nhập học

1. Trường Đại học Hàng hải Việt Nam tuyển sinh đại học theo đề án tuyển sinh được Hội đồng trường thông qua và công khai hàng năm. Đề án tuyển sinh của Nhà trường tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

2. Các thí sinh đăng ký xét tuyển theo các phương thức xét tuyển khác nhau phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của từng phương thức xét tuyển, thực hiện đăng ký đúng theo đề án tuyển sinh và thông báo tuyển sinh của Nhà trường. Sau thời hạn nộp hồ sơ đăng ký, Nhà trường sẽ xét tuyển và công bố kết quả xét tuyển.

3. Thí sinh trúng tuyển nhập học theo các quy định, hướng dẫn của Nhà trường và của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sau khi hoàn thành thủ tục nhập học, các sinh viên sẽ được đào tạo theo chương trình đào tạo của Nhà trường.

1.8.2. Quy trình đào tạo

Nhà trường tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ tuân thủ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học. Hoạt động đào tạo được tổ chức như sau:

- Một năm học gồm 03 học kỳ: học kỳ I, II và học kỳ phụ ngoài thời gian nghỉ hè.
- Học kỳ phụ có 6 - 7 tuần bao gồm cả thời gian học và thi, dành cho sinh viên học lại, học chậm tiến độ, học cải thiện điểm trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc và không miễn giảm học phí. Các học phần thực tập cũng được bố trí trong học kỳ phụ.
- Học kỳ I và II có nhiều nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi là các học kỳ bắt buộc sinh viên phải đăng ký khối lượng học tập và được miễn giảm học phí theo quy định.
- Trong thời gian nghỉ hè (06 tuần), Nhà trường có thể bố trí các học phần thực tập giữa khóa, thực tập tốt nghiệp và các trường hợp đặc biệt khác.
- Thời khóa biểu của các lớp học phần được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng với một học phần bất kỳ không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày.

Trước khi các học kỳ bắt đầu, sinh viên đăng ký học phần học tập của từng kỳ, đóng học phí. Mỗi sinh viên sẽ có một thời khóa biểu riêng tùy thuộc vào kết quả đăng ký học phần. Sinh viên đi học theo thời khóa biểu đã đăng ký và thực hiện hoạt động học tập theo hướng dẫn của giảng viên. Trong quá trình học tập và kỳ thi cuối kỳ, giảng viên sẽ đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Kết quả học tập từng học phần của sinh viên được nhập vào phần mềm quản lý đào tạo và công bố cho sinh viên tra cứu trên website của Trường. Khi sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo thì Nhà trường sẽ tổ chức xét và công nhận tốt nghiệp cho sinh viên.

1.8.3. Điều kiện tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

b) Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình đào tạo chuyên ngành.

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.

d) Đạt các học phần hoặc có chứng chỉ GDQP-AN và GDTC.

e) Đạt các điều kiện của chuẩn đầu ra về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học và điểm rèn luyện.

g) Có đơn gửi Khoa/Viện đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khoá học.

1.9. Các chiến lược dạy - học và phương pháp đánh giá

1.9.1. Các chiến lược dạy - học

Chiến lược dạy và học của Nhà trường bám sát triết lý giáo dục: “Trí tuệ - Sáng tạo - Trách nhiệm - Nhân văn”. Nhà trường khuyến khích giảng viên phát huy tiềm năng trí tuệ, không ngừng đổi mới sáng tạo, nâng cao ý thức trách nhiệm và đề cao giá trị nhân văn trong tổ chức và triển khai các hoạt động dạy - học nhằm mục tiêu đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao. Cụ thể, thực hiện các chiến lược dạy - học sau:

- Thực hiện đào tạo tích hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ; học tập kết hợp với trải nghiệm trong chương trình đào tạo;

- Áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, học tập chủ động;

- Lượng hóa đánh giá kết quả học tập đáp ứng chuẩn đầu ra.

1.9.2. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập

a. Thành phần điểm đánh giá học phần:

- Điểm đánh giá học phần gồm các thành phần sau:

Z: điểm đánh giá học phần;

X: điểm đánh giá trong quá trình học tập. Cách đánh giá điểm X do các bộ môn tự thống nhất.

Y: điểm thi, đánh giá kết thúc học phần. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

- Các thành phần điểm đánh giá học phần được thể hiện trong đề cương học phần và được công bố cho người học trong buổi đầu tiên khi thực hiện giảng dạy học phần.

- Đối với các học phần GDQP-AN, GDTC, chỉ đánh giá theo mức **Đạt** và **Không đạt** và không được tính vào điểm tích lũy. *Lưu ý: để được đánh giá Đạt các học phần*

GDQP-AN, sinh viên phải tham dự ít nhất 80% thời gian theo kế hoạch học tập và kết quả đánh giá học phần theo thang điểm 10 phải từ 5,0 trở lên.

- Các phương pháp đánh giá học phần: tùy theo nội dung học tập, kết quả học tập mong đợi của học phần mà giảng viên thiết kế các phương án đánh giá học phần khác nhau. Việc đánh giá kiến thức có thể thực hiện qua các bài kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm ... Thông qua quan sát, theo dõi việc thực hiện qua các bài thực hành, triển khai các hoạt động học tập, nghiên cứu của sinh viên, các bài viết liên hệ thực tiễn ... giảng viên đánh giá kỹ năng, thái độ người học.

b. Công thức tính điểm đánh giá học phần

b.1. Đối với các học phần loại I

$$Z = 0,5X + 0,5Y$$

Để được dự thi kết thúc học phần, sinh viên phải đảm bảo tham dự ít nhất 75% thời gian theo kế hoạch học tập và tất cả các điểm thành phần $X_i \geq 4$. Trường hợp không đủ điều kiện dự thi thì ghi $X = 0$ và $Z = 0$ (không đủ điều kiện dự thi). Điểm thi kết thúc học phần (Y) phải đảm bảo điều kiện ≥ 4 . Trường hợp $Y < 4$ thì $Z = 0$. Điểm X, Y, Z được lấy theo thang điểm 10, làm tròn đến 1 chữ số sau dấu phẩy.

b.2. Đối với các học phần loại II

$$Z = Y$$

Điểm thi kết thúc học phần (Y) phải đảm bảo điều kiện ≥ 4 .

Trường hợp $Y < 4$ thì $Z = 0$. Điểm Y, Z được lấy theo thang điểm 10, làm tròn đến 1 chữ số sau dấu phẩy.

b.3. Đối với các học phần loại III

$$Z = X$$

Sinh viên phải đảm bảo tham dự ít nhất 75% thời gian theo kế hoạch học tập và tất cả các điểm thành phần $X_i \geq 4$.

c. Quy trình cho điểm X, Y, Z:

c.1. Giảng viên có trách nhiệm tính điểm X và thông báo công khai trong buổi học cuối cùng của học phần cho sinh viên. Sinh viên có thể truy cập vào website của Nhà trường để biết kết quả học tập của sinh viên.

c.2. Nhập kết quả đánh giá học phần vào phần mềm quản lý đào tạo

d. Thang điểm

Sử dụng thang điểm 10, thang điểm chữ (A, A+, B, B+, C, C+, D, D+, F) và thang điểm 4 để đánh giá kết quả học tập của từng học phần, kết quả học tập hàng kỳ, kết quả học tập tích lũy theo khóa học của sinh viên. Qui đổi điểm giữa các thang điểm thực hiện theo bảng sau:

	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	9,0 ÷ 10,0	A+	4,0
	8,5 ÷ 8,9	A	4,0
	8,0 ÷ 8,4	B+	3,5
	7,0 ÷ 7,9	B	3,0
	6,5 ÷ 6,9	C+	2,5
	5,5 ÷ 6,4	C	2,0
	5,0 ÷ 5,4	D+	1,5
	4,0 ÷ 4,9	D	1,0
Không đạt	0 ÷ 3,9	F	0

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

2.1. Cấu trúc chương trình và phân nhiệm kết quả học tập mong đợi về kiến thức

Khối lượng kiến thức, kỹ năng, năng lực toàn khóa: 122 TC

(Không tính các học phần GDTC và GDQP-AN)

a. Khối kiến thức, kỹ năng cơ bản (không tính ngoại ngữ, tin học) : 15 TC.

b. Khối kiến thức, kỹ năng cơ sở: 41 TC.

c. Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành: 34 TC.

d. Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn: 32/69 TC.

Cấu trúc chương trình đào tạo

T	Mã	Tên HP	Số	Đáp	TĐNL	Học	HP
T	HP		TC	ứng		Kỳ	học
				CĐR			trước
I. KHỐI KIẾN THỨC KHÔNG TÍNH TÍCH LŨY			12				
I.1. Giáo dục thể chất (không tích lũy)			4				
I.2. Giáo dục quốc phòng (không tích lũy)			8				
KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CƠ BẢN			15				
1	18125	Toán chuyên đề kinh tế	3	1.1.1	T3	1	
2	19106	Nguyên lý CB của CN Mác-Lênin 1	2	1.2.1	TU3	1	

3	19109	Nguyên lý CB của CN Mác-Lênin 2	3	1.2.1	TU3	2	19106
4	19201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1.2.1	TU3.5	2	19106
5	19301	Đường lối cách mạng ĐCSVN	3	1.2.1	TU3.5	3	19201
6	11401	Pháp luật đại cương	2	1.2.2	TU2.5	2	
KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CƠ SỞ			41				
7	15115	Giới thiệu ngành kinh tế	2	1.3.1	TU2	1	
8	15101	Kinh tế vi mô	3	1.3.2	TU2	1	
9	28301	Tài chính tiền tệ	3	1.3.6	TU2.5	1	
10	15102	Kinh tế vĩ mô	3	1.3.2	TU2.5	2	15101
11	28108	Nguyên lý kế toán	3	1.3.6	TU2.5	3	28301
12	15117	Nguyên lý thống kê	2	1.3.9	TU3.0	3	18125
13	28307	Thuế vụ	2	1.3.6	TU2.5	3	
14	15105	Kinh tế lượng	2	1.3.9	TU3.0	3	18125
15	15815	Logistics và vận tải đa phương thức	3	1.3.5	TU2.5	4	
16	15635	Giao dịch thương mại quốc tế	3	1.3.7	TU2.5	4	
17	11469	Pháp luật kinh tế	2	1.3.10	T3	4	11401
18	15381	Thực tập cơ sở ngành KTB	2	1.3.11	TU2.5	5	
19	15610	Nghiệp vụ hải quan	2	1.3.8	T3	5	
20	23127	Lý thuyết & kết cấu tàu thủy	2	1.3.3	T3	5	
21	22347	Máy nâng chuyên	2	1.3.4	T3	5	
22	15811	Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng	2	1.3.5	TU3.0	7	15815
23	15131	Phân tích hoạt động KT	3	1.3.9	TU3.5	7	15105
KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CHUYÊN NGÀNH			34				
24	15301	Địa lý vận tải	2	1.4.1	T3	4	
25	15326	Kinh tế vận chuyển đường biển	3	1.4.2	T3.5	4	
26	15305	Kinh tế Cảng	2	1.4.4	T3	5	

27	15322	Luật vận tải biển	3	1.4.6	TU3.5	5	11469
28	15329	Đại lý tàu & Giao nhận hàng hóa	3	1.4.3	TU3.5	6	
29	15327	Quản lý tàu	3	1.4.5	T3	6	
30	15386	Quản lý & Khai thác cảng	5	1.4.4	TU3.5	6	15305
31	15388	Khai thác tàu	5	1.4.5	TU4	7	15327
32	15308	Bảo hiểm hàng hải	2	1.4.9	T3	7	
33	15382	Thực tập chuyên ngành KTB	2	1.4.10	U3.5	7	15381
34	15383	Thực tập tốt nghiệp	4	1.4.10	U3.5	8	15382
KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG TỰ CHỌN			32/6				
			9				
35	17102	Tin học văn phòng	3	1.5.16	T3	1	
36	15640	Kinh tế quốc tế	3	1.5.7	T3	1	
37	25101	Anh văn cơ bản 1	3	1.5.1	T2	2	
38	29101	Kỹ năng mềm 1	2	1.5.13	T2.5	2	
39	26101	Môi trường và bảo vệ môi trường	2	1.5.15	T2.5	2	
40	15103	Kinh tế công cộng	3	1.5.5	T2.5	2	
41	25102	Anh văn cơ bản 2	3	1.5.1	T2.5	3	
42	28239	Văn hóa doanh nghiệp	3	1.5.17	T2.5	3	
43	15618	Thương mại điện tử	3	1.5.8	T3	4	
44	15631	Pháp luật kinh doanh quốc tế	3	1.5.14	T3	4	
45	25103	Anh văn cơ bản 3	3	1.5.1	TU3	4	
46	28214	Quản trị doanh nghiệp	3	1.5.18	T3	4	
47	15113	Kinh tế phát triển	2	1.5.6	T2.5	5	
48	29102	Kỹ năng mềm 2	2	1.5.13	TU3	5	
49	28109	Kế toán doanh nghiệp	2	1.5.10	T3	5	
50	28103	Thị trường chứng khoán	2	1.5.9	T3	6	15102
51	11110	Đại cương hàng hải	2	1.5.3	T2.5	6	

52	16234	Công trình cảng	2	1.5.4	T2.5	6	
53	30101	Nghiệp vụ kho hàng	2	1.5.11	T3	6	
54	15213	Tổ chức LĐ tiền lương	3	1.5.12	T3	7	15386
55	15205	Toán kinh tế	3	1.5.2	TU3.5	7	18125
56	28217	Quản trị dự án	3	1.5.19	T2.5	7	15102
KHỐI KIẾN THỨC TỐT NGHIỆP			6/12				
57	15384	Khóa luận tốt nghiệp	6	1.4.11	U3.5	8	15388 ,1538 6
58	15361	Kinh doanh vận tải biển	3	1.4.11	U3.5	8	15388
59	15362	Kinh doanh cảng biển	3	1.4.11	U3.5	8	15386

2.2. Ma trận phân nhiệm kết quả học tập mong đợi về kỹ năng, thái độ

Đánh giá năng lực của sinh viên

HK	Mã HP	MÔN HỌC	Số TC	Nhóm CDR 1																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																													
				1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6	1.7	1.8	1.9	1.10	1.11	1.12	1.13	1.14	1.15	1.16	1.17	1.18	1.19	1.20	1.21	1.22	1.23	1.24	1.25	1.26	1.27	1.28	1.29	1.30	1.31	1.32	1.33	1.34	1.35	1.36	1.37	1.38	1.39	1.40	1.41	1.42	1.43	1.44	1.45	1.46	1.47	1.48	1.49	1.50	1.51	1.52	1.53	1.54	1.55	1.56	1.57	1.58	1.59	1.60	1.61	1.62	1.63	1.64	1.65	1.66	1.67	1.68	1.69	1.70	1.71	1.72	1.73	1.74	1.75	1.76	1.77	1.78	1.79	1.80	1.81	1.82	1.83	1.84	1.85	1.86	1.87	1.88	1.89	1.90	1.91	1.92	1.93	1.94	1.95	1.96	1.97	1.98	1.99	2.00	2.01	2.02	2.03	2.04	2.05	2.06	2.07	2.08	2.09	2.10	2.11	2.12	2.13	2.14	2.15	2.16	2.17	2.18	2.19	2.20	2.21	2.22	2.23	2.24	2.25	2.26	2.27	2.28	2.29	2.30	2.31	2.32	2.33	2.34	2.35	2.36	2.37	2.38	2.39	2.40	2.41	2.42	2.43	2.44	2.45	2.46	2.47	2.48	2.49	2.50	2.51	2.52	2.53	2.54	2.55	2.56	2.57	2.58	2.59	2.60	2.61	2.62	2.63	2.64	2.65	2.66	2.67	2.68	2.69	2.70	2.71	2.72	2.73	2.74	2.75	2.76	2.77	2.78	2.79	2.80	2.81	2.82	2.83	2.84	2.85	2.86	2.87	2.88	2.89	2.90	2.91	2.92	2.93	2.94	2.95	2.96	2.97	2.98	2.99	3.00	3.01	3.02	3.03	3.04	3.05	3.06	3.07	3.08	3.09	3.10	3.11	3.12	3.13	3.14	3.15	3.16	3.17	3.18	3.19	3.20	3.21	3.22	3.23	3.24	3.25	3.26	3.27	3.28	3.29	3.30	3.31	3.32	3.33	3.34	3.35	3.36	3.37	3.38	3.39	3.40	3.41	3.42	3.43	3.44	3.45	3.46	3.47	3.48	3.49	3.50	3.51	3.52	3.53	3.54	3.55	3.56	3.57	3.58	3.59	3.60	3.61	3.62	3.63	3.64	3.65	3.66	3.67	3.68	3.69	3.70	3.71	3.72	3.73	3.74	3.75	3.76	3.77	3.78	3.79	3.80	3.81	3.82	3.83	3.84	3.85	3.86	3.87	3.88	3.89	3.90	3.91	3.92	3.93	3.94	3.95	3.96	3.97	3.98	3.99	4.00	4.01	4.02	4.03	4.04	4.05	4.06	4.07	4.08	4.09	4.10	4.11	4.12	4.13	4.14	4.15	4.16	4.17	4.18	4.19	4.20	4.21	4.22	4.23	4.24	4.25	4.26	4.27	4.28	4.29	4.30	4.31	4.32	4.33	4.34	4.35	4.36	4.37	4.38	4.39	4.40	4.41	4.42	4.43	4.44	4.45	4.46	4.47	4.48	4.49	4.50	4.51	4.52	4.53	4.54	4.55	4.56	4.57	4.58	4.59	4.60	4.61	4.62	4.63	4.64	4.65	4.66	4.67	4.68	4.69	4.70	4.71	4.72	4.73	4.74	4.75	4.76	4.77	4.78	4.79	4.80	4.81	4.82	4.83	4.84	4.85	4.86	4.87	4.88	4.89	4.90	4.91	4.92	4.93	4.94	4.95	4.96	4.97	4.98	4.99	5.00	5.01	5.02	5.03	5.04	5.05	5.06	5.07	5.08	5.09	5.10	5.11	5.12	5.13	5.14	5.15	5.16	5.17	5.18	5.19	5.20	5.21	5.22	5.23	5.24	5.25	5.26	5.27	5.28	5.29	5.30	5.31	5.32	5.33	5.34	5.35	5.36	5.37	5.38	5.39	5.40	5.41	5.42	5.43	5.44	5.45	5.46	5.47	5.48	5.49	5.50	5.51	5.52	5.53	5.54	5.55	5.56	5.57	5.58	5.59	5.60	5.61	5.62	5.63	5.64	5.65	5.66	5.67	5.68	5.69	5.70	5.71	5.72	5.73	5.74	5.75	5.76	5.77	5.78	5.79	5.80	5.81	5.82	5.83	5.84	5.85	5.86	5.87	5.88	5.89	5.90	5.91	5.92	5.93	5.94	5.95	5.96	5.97	5.98	5.99	6.00	6.01	6.02	6.03	6.04	6.05	6.06	6.07	6.08	6.09	6.10	6.11	6.12	6.13	6.14	6.15	6.16	6.17	6.18	6.19	6.20	6.21	6.22	6.23	6.24	6.25	6.26	6.27	6.28	6.29	6.30	6.31	6.32	6.33	6.34	6.35	6.36	6.37	6.38	6.39	6.40	6.41	6.42	6.43	6.44	6.45	6.46	6.47	6.48	6.49	6.50	6.51	6.52	6.53	6.54	6.55	6.56	6.57	6.58	6.59	6.60	6.61	6.62	6.63	6.64	6.65	6.66	6.67	6.68	6.69	6.70	6.71	6.72	6.73	6.74	6.75	6.76	6.77	6.78	6.79	6.80	6.81	6.82	6.83	6.84	6.85	6.86	6.87	6.88	6.89	6.90	6.91	6.92	6.93	6.94	6.95	6.96	6.97	6.98	6.99	7.00	7.01	7.02	7.03	7.04	7.05	7.06	7.07	7.08	7.09	7.10	7.11	7.12	7.13	7.14	7.15	7.16	7.17	7.18	7.19	7.20	7.21	7.22	7.23	7.24	7.25	7.26	7.27	7.28	7.29	7.30	7.31	7.32	7.33	7.34	7.35	7.36	7.37	7.38	7.39	7.40	7.41	7.42	7.43	7.44	7.45	7.46	7.47	7.48	7.49	7.50	7.51	7.52	7.53	7.54	7.55	7.56	7.57	7.58	7.59	7.60	7.61	7.62	7.63	7.64	7.65	7.66	7.67	7.68	7.69	7.70	7.71	7.72	7.73	7.74	7.75	7.76	7.77	7.78	7.79	7.80	7.81	7.82	7.83	7.84	7.85	7.86	7.87	7.88	7.89	7.90	7.91	7.92	7.93	7.94	7.95	7.96	7.97	7.98	7.99	8.00	8.01	8.02	8.03	8.04	8.05	8.06	8.07	8.08	8.09	8.10	8.11	8.12	8.13	8.14	8.15	8.16	8.17	8.18	8.19	8.20	8.21	8.22	8.23	8.24	8.25	8.26	8.27	8.28	8.29	8.30	8.31	8.32	8.33	8.34	8.35	8.36	8.37	8.38	8.39	8.40	8.41	8.42	8.43	8.44	8.45	8.46	8.47	8.48	8.49	8.50	8.51	8.52	8.53	8.54	8.55	8.56	8.57	8.58	8.59	8.60	8.61	8.62	8.63	8.64	8.65	8.66	8.67	8.68	8.69	8.70	8.71	8.72	8.73	8.74	8.75	8.76	8.77	8.78	8.79	8.80	8.81	8.82	8.83	8.84	8.85	8.86	8.87	8.88	8.89	8.90	8.91	8.92	8.93	8.94	8.95	8.96	8.97	8.98	8.99	9.00	9.01	9.02	9.03	9.04	9.05	9.06	9.07	9.08	9.09	9.10	9.11	9.12	9.13	9.14	9.15	9.16	9.17	9.18	9.19	9.20	9.21	9.22	9.23	9.24	9.25	9.26	9.27	9.28	9.29	9.30	9.31	9.32	9.33	9.34	9.35	9.36	9.37	9.38	9.39	9.40	9.41	9.42	9.43	9.44	9.45	9.46	9.47	9.48	9.49	9.50	9.51	9.52	9.53	9.54	9.55	9.56	9.57	9.58	9.59	9.60	9.61	9.62	9.63	9.64	9.65	9.66	9.67	9.68	9.69	9.70	9.71	9.72	9.73	9.74	9.75	9.76	9.77	9.78	9.79	9.80	9.81	9.82	9.83	9.84	9.85	9.86	9.87	9.88	9.89	9.90	9.91	9.92	9.93	9.94	9.95	9.96	9.97	9.98	9.99	10.00	10.01	10.02	10.03	10.04	10.05	10.06	10.07	10.08	10.09	10.10	10.11	10.12	10.13	10.14	10.15	10.16	10.17	10.18	10.19	10.20	10.21	10.22	10.23	10.24	10.25	10.26	10.27	10.28	10.29	10.30	10.31	10.32	10.33	10.34	10.35	10.36	10.37	10.38	10.39	10.40	10.41	10.42	10.43	10.44	10.45	10.46	10.47	10.48	10.49	10.50	10.51	10.52	10.53	10.54	10.55	10.56	10.57	10.58	10.59	10.60	10.61	10.62	10.63	10.64	10.65	10.66	10.67	10.68	10.69	10.70	10.71	10.72	10.73	10.74	10.75	10.76	10.77	10.78	10.79	10.80	10.81	10.82	10.83	10.84	10.85	10.86	10.87	10.88	10.89	10.90	10.91	10.92	10.93	10.94	10.95	10.96	10.97	10.98	10.99	11.00	11.01	11.02	11.03	11.04	11.05	11.06	11.07	11.08	11.09	11.10	11.11	11.12	11.13	11.14	11.15	11.16	11.17	11.18	11.19	11.20	11.21	11.22	11.23	11.24	11.25	11.26	11.27	11.28	11.29	11.30	11.31	11.32	11.33	11.34	11.35	11.36	11.37	11.38	11.39	11.40	11.41	11.42	11.43	11.44	11.45	11.46	11.47	11.48	11.49	11.50	11.51	11.52	11.53	11.54	11.55	11.56	11.57	11.58	11.59	11.60	11.61	11.62	11.63	11.64	11.65	11.66	11.67	11.68	11.69	11.70	11.71	11.72	11.73	11.74	11.75	11.76	11.77	11.78	11.79	11.80	11.81	11.82	11.83	11.84	11.85	11.86	11.87	11.88	11.89	11.90	11.91	11.92	11.93	11.94	11.95	11.96	11.97	11.98	11.99	12.00	12.01	12.02	12.03	12.04	12.05	12.06	12.07	12.08	12.09	12.10	12.11	12.12	12.13	12.14	12.15	12.16	12.17	12.18	12.19	12.20	12.21	12.22	12.23	12.24	12.25	12.26	12.27	12.28	12.29	12.30	12.31	12.32	12.33	12.34	12.35	12.36	12.37	12.38	12.39	12.40	12.41	12.42	12.43	12.44	12.45	12.46	12.47	12.48	12.49	12.50	12.51	12.52	12.53	12.54	12.55	12.56	12.57	12.58	12.59	12.60	12.61	12.62	12.63	12.64	12.65	12.66	12.67	12.68	12.69	12.70	12.71	12.72	12.73	12.74	12.75	12.76	12.77	12.78	12.79	12.80	12.81	12.82	12.83	12.84	12.85	12.86	12.87	12.88	12.89	12.90	12.91	12.92	12.93	12.94	12.95	12.96	12.97	12.98	12.99	13.00	13.01	13.02	13.03	13.04	13.05	13.06	13.07	13.08	13.09	13.10	13.11	13.12	13.13	13.14	13.15	13.16	13.17	13.18	13.19	13.20	13.21	13.22	13.23	13.24	13.25	13.26	13.27	13.28	13.29	13.30	13.31	13.32	13.33	13.34	13.35	13.36	13.37	13.38	13.39	13.40	13.41	13.42	13.43	13.44	13.45	13.46	13.47	13.48	13.49	13.50	13.51	13.52	13.53	13.54	13.55	13.56	13.57	13.58	13.59	13.60	13.61	13.62	13.63	13.64	13.65	13.66	13.67	13.68	13.69	13.70	13.71	13.72	13.73	13.74	13.75	13.76	13.77	13.78	13.79	13.80	13.81	13.82	13.83	13.84	13.85	13.86	13.87	13.88	13.89	13.90	13.91	13.92	13.93	13.94	13.95	13.96	13.97	13.98	13.99	14.00	14.01	14.02	14.03	14.04	14.05	14.06	14.07	14.08	14.09	14.10

2.3. Kế hoạch học tập toàn khóa

Học kỳ I

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			13						
1	18125	Toán chuyên đề	3	45				I	
2	19106	Những NLCB của CN Mác Lênin 1	2	20	20			I	
3	15101	Kinh tế vi mô	3	45				I	
4	15115	Giới thiệu ngành kinh tế	2	30				I	
5	28301	Tài chính tiền tệ	3	45				I	
Tự chọn									
1	17202	Tin học văn phòng	3	45				I	
2	15640	Quan hệ kinh tế quốc tế	3	45				I	

Học kỳ II

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			10						
1	15102	Kinh tế vĩ mô	3	45				I	15101
2	11401	Pháp luật đại cương	2	45				I	

3	19109	Những NLCB của CN Mác Lênin 2	3	45				I	19106
4	19201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30				I	19106
Tự chọn									
1	25101	Anh văn cơ bản 1	3					I	
2	15103	Kinh tế công cộng	3					I	
3	29101	Kỹ năng mềm 1	2					I	
4	26101	Môi trường và bảo vệ môi trường	2					I	

Học kỳ III

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc									
1	19301	Đường lối cách mạng của Đảng	3	45				I	19201
2	15117	Nguyên lý thống kê	2	30				I	18125
3	28108	Nguyên lý kế toán	3	45				I	28301
4	28307	Thuế vụ	2	30				I	
5	15105	Kinh tế lượng	3	45				I	18125
Tự chọn									
1	25102	Anh văn cơ bản 2	3	45				I	
2	28239	Văn hóa doanh nghiệp	3	45				I	

Học kỳ IV

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
<i>Bắt buộc</i>									
1	15301	Địa lý vận tải	2	30				I	
2	15326	Kinh tế VC đường biển	3	45				I	
3	15815	Logistics và vận tải ĐPT	3	45				I	
4	15635	Giao dịch thương mại quốc tế	3	45				I	
5	11469	Pháp luật kinh tế	2	30				I	
<i>Tự chọn</i>									
1	15618	Thương mại điện tử	3	45				I	
2	15631	Pháp luật thương mại quốc tế	3	45				I	
3	25103	Anh văn cơ bản 3	3	45				I	
4	28202	Quản trị doanh nghiệp	3	45				I	

Học kỳ V

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	ĐA	Loại HP	HP học trước
-----------	--------------	---------------------	-----------	-----------	-------------------	-----------	----------------	---------------------

Bắt buộc								
1	15322	Luật vận tải biển	3	45			I	
2	15305	Kinh tế cảng	2	30			I	
3	15610	Nghiệp vụ hải quan	2	30			I	
4	23127	Lý thuyết & kết cấu tàu thủy	2	30			I	
5	22347	Máy nâng chuyên	2	30			I	
6	15381	Thực tập cơ sở ngành KTB	2	4T			I	
Tự chọn								
1	29102	Kỹ năng mềm 2	2	30			I	
2	28109	Kế toán doanh nghiệp	2	30			I	
3	15113	Kinh tế phát triển	2	30			I	

Học kỳ VI

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc								
1	15386	Quản lý & Khai thác cảng	5	45		30	I	15305
2	15329	Đại lý tàu & Giao nhận hàng hóa	3	45			I	
3	15327	Quản lý tàu	3	45			I	
Tự chọn								

1	28103	Thị trường chứng khoán	2	30			I	15102
2	30101	Nghiệp vụ kho hàng	2	30			I	
3	16234	Công trình cảng	2	30			I	
4	11110	Đại cương hàng hải	2	30			I	

Học kỳ VII

T T	Mã HP	Tên học phần	T C	L T	TH / X M	Đ A	Loại i HP	HP học trướ c
Bắt buộc								
1	15131	Phân tích hoạt động kinh tế trong VTB	3	45			I	
2	15811	Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng	2	30			I	15815
3	15388	Khai thác tàu	5	45		30	I	15327
4	15308	Bảo hiểm hàng hải	2	30			I	
5	15382	Thực tập chuyên ngành	2	4T			II	15381
Tự chọn								

1	15205	Toán kinh tế	3	45			I	1812 5
2	15213	Tổ chức lao động tiền lương	3	45			I	1538 6
3	28217	Quản trị dự án	3	45			I	1510 2

Học kỳ VIII

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc								
1	15383	Thực tập tốt nghiệp	4	8T			II	15382
Tự chọn								
1	15384	Khóa luận tốt nghiệp	6				I	15388, 15386
2	15361	Kinh doanh vận tải biển	3	45			I	15388
3	15362	Kinh doanh cảng biển	3	45			I	15386

Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học: bằng thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa nêu trên cộng thêm 03 năm.

2.4. Tóm tắt các học phần

5.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin I

2TC

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung học phần:

Trình bày khái lược các nội dung trọng tâm và quá trình hình thành phát triển của chủ nghĩa Mác-Lênin nhằm tạo ra cái nhìn tổng quát về đối tượng và phạm vi của môn học.

Bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác Lê nin: là hệ thống những quan điểm duy vật biện chứng về tự nhiên và về xã hội, làm sáng tỏ nguồn gốc, động lực, những quy luật chung của sự vận động, phát triển của tự nhiên và của xã hội loài người.

5.2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin II 3TC

- *Điều kiện tiên quyết:* học sau Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin I.

- *Nội dung học phần:*

Bao quát những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê nin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa mà trọng tâm của nó là học thuyết giá trị và học thuyết giá trị thặng dư, đồng thời đưa ra học thuyết kinh tế về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.

Nghiên cứu làm sáng tỏ vai trò sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; tính tất yếu và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa; quá trình hình thành và phát triển của hình thái kinh tế- xã hội cộng sản chủ nghĩa; quy luật và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

5.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh 2 TC

- *Điều kiện tiên quyết:* đã học xong Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin.

- *Nội dung học phần:*

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh khái quát những nội dung cơ bản về con đường cách mạng Việt Nam, bao gồm: Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc, về chủ nghĩa xã hội, về Đảng, về Nhà nước cũng như tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới, trong đó nội dung cốt lõi là Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Chỉ ra cơ sở khách quan – chủ quan trong quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Trên cơ sở đó, sinh viên nhận thức rõ giá trị và sức sống tư tưởng Hồ Chí Minh đối với dân tộc và nhân loại.

5.4. Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam 3 TC

- *Điều kiện tiên quyết:* đã học xong Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh.

- *Nội dung học phần:*

Môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam đề cập đến các vấn đề: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); đường lối công nghiệp hoá; đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đường lối xây dựng hệ thống chính trị; đường lối xây dựng văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội; đường lối đối ngoại.

Thông qua những vấn đề trên, nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kỳ đổi mới.

5.5. Toán chuyên đề 3 TC

- *Điều kiện tiên quyết:* không

- *Nội dung học phần:*

Nội dung của môn Toán chuyên đề kinh tế bao gồm: khái niệm về phép thử và biến cố, định nghĩa cổ điển về xác suất, khái niệm về tổng, tích các biến cố, các biến cố xung khắc, các biến cố độc lập, các biến cố đối lập, công thức cộng xác suất, nhân xác suất, khái niệm về dãy phép thử độc lập, công thức Bernoulli, khái niệm về đại lượng ngẫu nhiên và quy luật phân phối xác suất của nó, các tham số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên, một số quy luật phân phối xác suất thường gặp, khái niệm về tổng thể nghiên cứu, mẫu ngẫu nhiên một chiều và hai chiều, khái niệm về thống kê, phương pháp ước lượng tham số.

5.6. Pháp luật đại cương 2 TC

- *Học phần tiên quyết:* Không.

- *Nội dung học phần:*

Học phần Pháp luật đại cương gồm các nội dung đại cương về Nhà nước như: nguồn gốc Nhà nước, bản chất Nhà nước, bộ máy Nhà nước; Đại cương về pháp luật như: nguồn gốc pháp luật, bản chất pháp luật, chức năng pháp luật, thuộc tính pháp luật và một số vấn đề khác. Ngoài ra, học phần này còn đề cập tới vấn đề Phòng chống tham nhũng hiện nay ở Việt nam.

Sinh viên phải thường xuyên cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật về các nội dung có liên quan đến môn học.

5.7. Giới thiệu ngành kinh tế 2 TC

- *Điều kiện tiên quyết:* không

- *Nội dung học phần:*

Nội dung của học phần môn Giới thiệu ngành kinh tế nhằm cung cấp những nội dung cơ bản về chương trình đào tạo, giúp cho sinh viên có được những hiểu biết cơ bản về

ngành Kinh tế nói chung và hệ thống để định hướng nghề nghiệp cho sinh viên; giới thiệu cho sinh viên một số kiến thức, kỹ năng cơ bản, thái độ, đạo đức, phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của ngành.

5.8. Kinh tế vi mô 3 TC

- *Học phần tiên quyết:* không.

- *Nội dung học phần:*

Những khái niệm cơ bản về khoa học kinh tế; Lý thuyết cung cầu; Lý thuyết về hành vi của người tiêu dùng và hành vi của người sản xuất; Các cấu trúc của thị trường; Thị trường các yếu tố sản xuất; Cân bằng tổng thể và vai trò điều tiết thị trường của nhà nước.

5.9. Kinh tế vĩ mô 3 TC

- *Học phần tiên quyết:* Kinh tế vi mô.

- *Nội dung học phần:*

Môn học cung cấp cho học viên những kiến thức về nền kinh tế vĩ mô thông qua việc giới thiệu cho người học những khái niệm, cách tính toán cũng như ý nghĩa của các biến số kinh tế vĩ mô như tổng sản phẩm và thu nhập quốc dân, thất nghiệp, lạm phát, tổng cung, tổng cầu ... Đồng thời thông qua môn học, người học có được những hiểu biết về những chính sách của chính phủ đó là chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ và tác động của chúng đến nền kinh tế. Cuối cùng là giới thiệu nền kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở.

5.10. Tài chính tiền tệ 3 TC

- *Học phần tiên quyết:* Sinh viên phải học và thi đạt các học phần sau mới được đăng ký học học phần này: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô.

- *Nội dung học phần:*

Tài chính tiền tệ là một trong những môn học cơ sở của ngành Tài chính kế toán, bởi vì sinh viên sẽ được làm quen với những khái niệm về tài chính tiền tệ cơ bản. Những khái niệm về Tài chính sẽ được giới thiệu từ tổng quát đến chi tiết trong suốt 9 chương cơ bản, từ định nghĩa về tiền tệ và tài chính (chương 1) và thị trường tài chính (Chương 2) cho đến các khái niệm chuyên môn như Tài chính công (Chương 3), tài chính doanh nghiệp (Chương 4 và 5) và các trung gian tài chính (Chương 6,7,8 và 9). Ngoài ra, phần lí thuyết trong môn học còn được bổ trợ bởi phần bài tập như bài tập về Hao mòn và Khấu Hao Tài sản cố định, Lãi suất tín dụng và Nghiệp vụ ngân hàng. Phần bài tập này chỉ mang tính chất tiền đề, giúp sinh viên có kiến thức cơ sở khi học các môn chuyên ngành khác của ngành Tài chính Kế toán.

5.11. Nguyên lý kế toán 3 TC

- *Học phần tiên quyết*: Sinh viên phải học các môn Lý thuyết tài chính tiền tệ, thuế vụ trước khi học học phần này.

- *Nội dung học phần*:

Học phần gồm 5 nội dung chính: Nội dung thứ nhất cung cấp những kiến thức cơ bản cơ bản về hạch toán kế toán, nội dung thứ hai nghiên cứu các báo cáo tài chính, nội dung thứ ba nghiên cứu các phương pháp kế toán: phương pháp tài khoản, ghi sổ kép, chứng từ, kiểm kê, nội dung thứ tư là kế toán các quá trình sản xuất kinh doanh chủ yếu, nội dung thứ năm nghiên cứu cách ghi sổ kế toán và tổ chức công tác kế toán.

5.12. Nguyên lý thống kê 3 TC

- *Học phần tiên quyết*: Toán cao cấp, Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô.

- *Nội dung học phần*:

Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về các nguyên lý thống kê, công tác thống kê, các nguyên tắc, nguyên lý thống kê, các bảng biểu thống kê thường gặp trong thực tiễn thống kê chuyên ngành; xây dựng, cung cấp các phương pháp phân tích đánh giá mặt lượng các hoạt động kinh tế - xã hội của các tổ chức, đơn vị.

5.13 Kinh tế lượng 3TC

- *Học phần tiên quyết*: Toán chuyên đề

- *Nội dung học phần*:

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và kỹ năng sử dụng các công cụ định lượng để phân tích, đánh giá, dự báo các sự kiện kinh tế.

5.14. Thuế vụ 2 TC

- *Học phần tiên quyết*: Tài chính - tiền tệ.

- *Nội dung học phần*:

Học phần gồm 2 phần chính. Phần thứ nhất cung cấp các cơ sở lý luận chung về thuế. Phần thứ hai là nội dung chi tiết các sắc thuế hiện hành ở Việt Nam bao gồm: Thuế xuất - nhập khẩu; Thuế tiêu thụ đặc biệt; Thuế bảo vệ môi trường; Thuế giá trị gia tăng; Thuế thu nhập doanh nghiệp; Thuế thu nhập cá nhân; Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; Thuế tài nguyên; Thuế môn bài.

5.15. Logistics và vận tải đa phương thức

3 TC

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Nội dung học phần*:

Logistics và vận tải đa phương thức cung cấp các kiến thức cơ bản tổng quan về các hoạt động logistics, vận tải đa phương thức quốc tế; Các loại hình vận tải hàng XNK;

Khái quát về logistics; Vận tải đa phương thức quốc tế; Cơ sở vật chất kỹ thuật trong vận tải đa phương thức; Hệ thống luật thương mại và chứng từ trong vận tải đa phương thức; Tổ chức vận tải đa phương thức.

5.16. Kinh tế vận chuyển đường biển

3TC

-*Điều kiện tiên quyết:* Đã học kinh tế vi mô

-*Nội dung học phần:*

Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về cung cầu trong vận tải biển, thị trường và giá cả, chi phí và lợi nhuận, các chỉ tiêu đánh giá công tác vận chuyển.

5.17. Đại lý và giao nhận hàng hóa **3 TC**

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Nội dung học phần:*

Cung cấp kiến thức và rèn luyện kỹ năng thực hành giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về hoạt động đại lý và giao nhận hàng hóa và các khung pháp lý chi phối tới hoạt động đại lý và giao nhận ở Việt Nam.

5.18. Phân tích hoạt động kinh tế ngành logistics **3 TC**

- *Học phần tiên quyết:* Sinh viên đã học xong hầu hết các học phần chuyên môn chính của ngành học (thường chỉ dạy cho sinh viên ở học kỳ 7).

- *Nội dung học phần:*

Học phần Phân tích hoạt động kinh tế bao gồm các nội dung về cơ sở lý luận của PTHĐKT, đánh giá chung tình hình SXKD của doanh nghiệp, phân tích tình hình thực hiện chỉ tiêu sản lượng, tình hình sử dụng TSCĐ, tình hình Lao động – tiền lương, tình hình thực hiện chỉ tiêu giá thành, tình hình thực hiện chỉ tiêu lợi nhuận, tình hình tài chính.

Một số vấn đề chung về giao nhận tại cảng, Hàng hóa và đóng gói hàng hóa trong vận tải, Giao nhận vận tải hàng hóa trong vận tải và Giao nhận hàng hóa trong vận tải đa phương thức.

5.19 Giao dịch thương mại quốc tế **3TC**

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Nội dung học phần:*

Cung cấp kiến thức và rèn luyện kỹ năng thực hành giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về các hoạt động trong giao dịch thương mại quốc tế.

5.20. Pháp luật thương mại quốc tế **3 TC**

- *Học phần tiên quyết:* Pháp luật kinh tế

- *Nội dung học phần:*

Học phần gồm các nội dung chính sau: Nội dung thứ nhất là địa vị pháp lý của thương nhân. Nội dung thứ hai là phân tích các hoạt động thương mại: Mua bán hàng hóa.

Hoạt động trung gian thương mại: Đại diện cho thương nhân, môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa, đại lý thương mại. Hoạt động xúc tiến thương mại: khuyến mại, quảng cáo thương mại, trưng bày giới thiệu hàng hóa, dịch vụ, hội chợ, triển lãm thương mại. Các các hoạt động thương mại khác của thương nhân theo Luật thương mại 2005.

5.21. Thực tập cơ sở ngành logistics 2 TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Nội dung học phần:* Tham quan các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực logistics.

5.22 Logistics toàn cầu 4TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Kinh tế vi mô

- *Nội dung học phần:*

Logistics toàn cầu cung cấp các kiến thức về toàn cầu hóa và thương mại quốc tế, hợp đồng kinh doanh quốc tế, chứng từ hàng hóa và vận tải, thanh toán quốc tế và an ninh logistics toàn cầu.

5.23. Marketing logistics

3TC

Điều kiện tiên quyết: Không

- *Nội dung học phần:*

Môn học cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về marketing, quản trị marketing, môi trường và chiến lược marketing, thị trường marketing, quản lý marketing toàn cầu.

5.24 . Logitisc cảng biển

4TC

-*Điều kiện tiên quyết:* Đã học xong học phần Logistics &VTĐPT

-*Nội dung học phần:*

Học phần logistics cảng biển cung cấp kiến thức về các loại cảng biển, các hoạt động khai thác cảng biển, các dịch vụ logistics trong phạm vi cảng, vai trò của cảng đối với nền kinh tế quốc dân, các loại kế hoạch và phương pháp lập kế hoạch kinh doanh dịch vụ logistics của cảng biển.

5.25. Logistisc vận tải

5TC

-*Điều kiện tiên quyết:* Đã học xong học phần Logistics & VTĐPT

-*Nội dung học phần:*

Học phần logistics vận tải cung cấp cho người học kiến thức về các loại hình vận tải, phương pháp tổ chức vận tải của các phương thức vận tải, thị trường và giá cả dịch vụ vận tải, khả năng thiết kế các phương án vận tải hàng hóa tối ưu.

5.26. Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng

2TC

-Điều kiện tiên quyết: Đã học xong học phần Logistics & VTĐPT

-Nội dung học phần:

Học phần quản trị chiến lược chuỗi cung ứng cung cấp cho người học các kiến thức về quản trị chiến lược chuỗi cung ứng, các nguyên tắc và cách thức điều hành chuỗi cung ứng, các nhân tố tác động lên chuỗi cung ứng, các chỉ tiêu đo lường hiệu quả chuỗi cung ứng.

5.27. Thiết kế hệ thống logistics

4TC

-Điều kiện tiên quyết: Đã học xong học phần Logistics & VTĐPT, Logistics toàn cầu.

-Nội dung học phần:

Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng thiết lập hệ thống quản lý mạng logistics.

5.28. Quản trị kho hàng

5TC

-Điều kiện tiên quyết: Đã học xong học phần Logistics & VTĐPT

-Nội dung học phần:

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về kho hàng và các hoạt động chủ yếu của các loại kho hàng, các trang thiết bị và các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kho hàng, quy trình hoạt động của kho hàng, lập và chu chuyển các chứng từ kho hàng, quản trị hàng tồn kho.

5.29 Logistics dịch vụ 3TC

-Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học xong Logistisc toàn cầu

-Nội dung học phần:

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về người cung cấp dịch vụ logistics, các dịch vụ logistics chủ yếu như dịch vụ môi giới hải quan, dịch vụ gom hàng, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ môi giới, đàm phán và thanh toán cước, dịch vụ quản lý phương tiện và công cụ vận tải, dịch vụ thương mại điện tử cũng như các vấn đề về dịch vụ khách hàng.

5.30. Thực tập chuyên ngành 4 TC

- Điều kiện tiên quyết: Thực tập cơ sở ngành

- *Nội dung học phần:* Sinh viên thực tập tại các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ logistics theo các lĩnh vực vận tải, kho hàng, đại lý hải quan, giao nhận hàng hóa, và nắm được quy trình, nghiệp vụ các hoạt động của các doanh nghiệp nói trên.

5.31. Thực tập và báo cáo tốt nghiệp 6 TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Thực tập chuyên ngành

- *Nội dung học phần:* Sinh viên thực tập tại các doanh nghiệp, sưu tầm số liệu cần thiết để viết chuyên đề thực tập tốt nghiệp theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn.

5.32. Tin học văn phòng 3TC

Học phần tiên quyết: không.

- *Nội dung học phần:*

Cách sử dụng và khai thác phần mềm MS Word. Soạn thảo một số văn bản thông dụng trong doanh nghiệp như: hợp đồng, quyết định. Cách sử dụng và khai thác phần mềm MS Excel. Ứng dụng Excel vào việc quản lý bán hàng, nhân sự tiền lương.

5.33. Anh văn cơ bản 1 3 TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Nội dung học phần:*

Chương trình học trên lớp bao quát các hiện tượng ngữ thường gặp trong giao tiếp, gồm các vấn đề về danh từ; đại từ, tính từ, trạng từ, câu so sánh của tính từ và trạng từ, các thời cơ bản trong tiếng Anh, động từ khuyết thiếu, các hình thức của động từ, câu bị động, mệnh đề danh từ, mệnh đề quan hệ, mệnh đề trạng ngữ các loại, câu trần thuật, vv. Ngoài giờ học trên lớp, sinh viên có nghĩa vụ tự học bổ sung kiến thức theo sự định hướng của giáo viên trực tiếp giảng dạy. Nội dung tự học có liên quan, hỗ trợ cho nội dung giảng dạy trên lớp theo đường hướng đi sâu hoặc nâng cao đòi hỏi sinh viên dành khối lượng thời gian nhiều hơn so với thời lượng trên lớp để tự nghiên cứu tài liệu và vận dụng vào bài tập.

Các kiến thức tự học gồm: mạo từ, giới từ chỉ vị trí, các danh từ theo sau bởi giới từ, các vấn đề liên quan đến từ chỉ số, đại từ thay thế và đại từ tương hỗ; các tính từ đặc biệt chỉ đứng sau động từ nối, các tính từ theo sau bởi danh từ, trạng từ khác ngoài trạng từ thể cách, phụ tố, các loại so sánh đặc biệt, giả định thức, các dấu hiệu nhận biết thời, các động từ không dùng ở thời tiếp diễn, phân biệt một số cấu trúc thường gặp với một số động từ khuyết thiếu, nội động từ và ngoại động từ, các dạng bị động đặc biệt và các động từ không dùng trong cấu trúc bị động; động từ cụm kết hợp giới từ, động từ theo sau bởi giới từ, phân từ quá khứ theo sau bởi giới từ; các dạng câu hỏi, danh mệnh đề phân biệt với câu hỏi, phân biệt mệnh đề quan hệ hạn định và không hạn định, loại mệnh đề quan hệ bắt đầu bằng giới từ, bằng bỏ ngữ, mệnh đề đẳng lập, đảo

ngữ, các cách khác để diễn tả điều kiện, cách rút gọn mệnh đề trạng ngữ. Khối kiến thức tự học với thời lượng gấp đôi liên quan đến chủ đề ngữ pháp bổ sung và nâng cao giúp sinh viên nắm bắt thêm kiến thức cần thiết. Các bài tập cũng được bổ sung để sinh viên có thêm nhiều cơ hội tự thực hành để xử lý các dạng bài tập khác cũng như bài tập nâng cao.

5.34. Tiếng Anh cơ bản 2 2 TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Anh Văn cơ bản 1

- *Nội dung học phân:*

Chương trình học trên lớp tập trung chủ yếu vào 4 nội dung chính. Nội dung 1 là hệ thống từ vựng cần thiết cho giao tiếp hàng ngày và công việc như: sự kiện, du lịch, khách sạn, hàng không, hợp đồng, thư tín, tuyển dụng, v.v. Nội dung 2 bao gồm hệ thống các hiện tượng ngữ pháp cơ bản, thường gặp trong các văn bản tại nơi làm việc. Nội dung 3 tập trung vào các giới thiệu các kỹ năng nghe cơ bản, giúp sinh viên có khả năng nghe hiểu tốt trong môi trường làm việc: nghe phân biệt các loại câu hỏi, nghe lấy thông tin chi tiết, nghe lấy ý chính, nghe và phân biệt các âm giống nhau, v.v. Nội dung 4 tập trung vào các kỹ năng đọc cơ bản giúp sinh viên xử lý văn bản hiệu quả trong môi trường làm việc: đoán nghĩa từ trong văn bản dựa vào văn cảnh, đọc hiểu bảng biểu, đơn mẫu, v.v.

Khối kiến thức tự học với thời lượng gấp đôi liên quan đến chủ đề từ vựng đã học trên lớp giúp sinh viên nắm bắt thêm về từ vựng cần thiết. Các bài tập nghe hiểu và đọc hiểu cũng được bổ sung để sinh viên có thêm nhiều cơ hội tự thực hành và biết áp dụng được các kỹ năng giới thiệu trên lớp để xử lý các dạng giao tiếp ngôn bản, văn bản tương tự.

5.35. Tiếng Anh cơ bản 3 3 TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Sinh viên đã học và đạt tư cách học Anh văn cơ bản 2. Sinh viên nên đạt trình độ A2 khung châu Âu trước khi đăng ký học phần này.

- *Nội dung học phân:*

Chương trình học trên lớp tập trung chủ yếu vào 4 nội dung chính. Nội dung 1 là hệ thống từ vựng cần thiết cho giao tiếp hàng ngày và công việc như: giải trí, mua sắm, du lịch, thời tiết, giao thông, sức khỏe, khám chữa bệnh, bảo hiểm, đặt hàng, gửi hàng, họp hội đồng, hội thảo, lưu kho, kế toán, đầu tư, và thuê mua bất động sản. Nội dung 2 tập trung vào các giới thiệu và thực hành các kỹ năng nghe cơ bản như: Nghe hiểu ý chính, nghe hiểu thông tin chi tiết, biết suy luận ý của người nói nhằm giúp sinh viên nghe hiểu tốt các tình huống hội thoại trong môi trường làm việc, các dạng bài đọc thoại như diễn văn, phát biểu, tin nhắn thoại, bản tin, thông báo, quảng cáo ... Nội dung 3 củng cố các kỹ năng đọc hiểu ở cấp độ đoạn, xử lý thông tin liên quan đến từ

vựng và ngữ pháp. Nội dung 4 ôn tập, củng cố các kỹ năng đọc đã được giới thiệu ở học phần Anh văn cơ bản 2, thực hành đọc hiểu văn bản ở cấp độ toàn bài và đối chiếu thông tin giữa các bài đọc ở các dạng văn bản khác nhau: thông báo, quảng cáo, email, memo, bảng biểu, sơ đồ, lịch trình, đơn hàng, báo giá

Khối kiến thức tự học với thời lượng gấp đôi liên quan đến chủ đề từ vựng đã học trên lớp giúp sinh viên nắm bắt thêm về từ vựng cần thiết. Các bài tập nghe hiểu và đọc hiểu cũng được bổ sung để sinh viên có thêm nhiều cơ hội tự thực hành và biết áp dụng được các kỹ năng giới thiệu trên lớp để xử lý các dạng giao tiếp ngôn bản, văn bản tương tự.

5.36. Pháp luật Kinh tế 3 TC

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Nội dung học phần:*

Môn học gồm ba nội dung cơ bản, một là các vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật bao gồm: Bản chất nguồn gốc của nhà nước, Bộ máy Nhà nước, Bản chất nguồn gốc của pháp luật, Văn bản quy phạm pháp luật, Quan hệ pháp luật, Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; hai là Pháp luật về phòng chống tham nhũng; ba là pháp luật về doanh nghiệp: Các loại hình doanh nghiệp, phá sản doanh nghiệp, giải quyết tranh chấp trong kinh doanh và Pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh thương mại.

5.37. Môi trường và bảo vệ môi trường 2 TC

- *Học phần tiên quyết:* Không.

- *Nội dung học phần:*

Học phần Môi trường và Bảo vệ môi trường gồm các nội dung: cấu trúc và chức năng của môi trường; các nguyên lý sinh thái học vận dụng trong khoa học môi trường; suy thoái và ô nhiễm các thành phần môi trường không khí, nước, đất; ô nhiễm môi trường bởi các tác nhân nhiệt, tiếng ồn, phóng xạ; nguyên nhân, biểu hiện và tác động của biến đổi khí hậu; mục đích, yêu cầu của phát triển bền vững và các nguyên tắc xây dựng một xã hội phát triển bền vững.

5.38. Kỹ năng mềm 1 2 TC

- *Học phần tiên quyết:* Không.

- *Nội dung học phần:*

Học phần Kỹ năng mềm gồm các nội dung về kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và làm việc nhóm. Ngoài các lý thuyết về khái niệm, vai trò, phương pháp thực hiện những kỹ năng trên, sinh viên được tham gia vào các bài tập tình huống cụ thể để áp dụng vào việc học tập, nghiên cứu và môi trường thực tế.

5.39. Kinh tế công cộng 3 TC

- *Học phần tiên quyết*: Kinh tế vi mô, Toán cao cấp.

- *Nội dung học phần*:

Học phần này gồm 06 chương, cung cấp những kiến thức cơ bản về các chủ đề kinh tế công cộng. Thứ nhất, nghiên cứu hiệu quả kinh tế cũng như các thất bại của thị trường và những chính sách can thiệp của Chính phủ. Thứ hai, nghiên cứu vấn đề nghèo đói, bất bình đẳng trong phân bổ thu nhập và vai trò của chính phủ trong tái phân bổ thu nhập. Thứ ba, tìm hiểu vai trò của chính phủ trong việc ổn định kinh tế vĩ mô trong bối cảnh toàn cầu hóa, vấn đề lựa chọn công cộng và các công cụ chính sách của chính phủ khi can thiệp vào cơ chế thị trường.

5.40 Văn hóa kinh doanh

3TC

- *Học phần tiên quyết*: không.

- *Nội dung học phần*:

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về môi trường văn hóa trong doanh nghiệp góp phần nâng cao hiệu quả quản lý doanh nghiệp cũng như năng suất lao động và các vấn đề cơ bản về văn hóa trong giao dịch kinh tế.

5.41. Thị trường chứng khoán 2 TC

- *Học phần tiên quyết*: Tài chính - tiền tệ.

- *Nội dung học phần*:

Tổng quan về thị trường chứng khoán; Thị trường chứng khoán sơ cấp; Thị trường chứng khoán thứ cấp; Phân tích và đầu tư chứng khoán.

5.42. Quản trị doanh nghiệp 3 TC

- *Học phần tiên quyết*: Không.

- *Nội dung học phần*:

Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị doanh nghiệp và sự vận dụng trong thực tiễn. Những khái niệm cơ bản về doanh nghiệp, các loại hình doanh nghiệp; các giai đoạn phát triển của quản trị doanh nghiệp; các chức năng cơ bản của nhà quản lý trong doanh nghiệp; nghiệp vụ quản lý nhân sự; nghiệp vụ quản lý chi phí và kết quả; đánh giá hiệu quả kinh doanh.

5.43. Quan hệ kinh tế thế giới

2TC

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Nội dung học phần*:

Bao gồm kinh tế thế giới, các đặc điểm kinh tế của các nền kinh tế thế giới, quan hệ kinh tế thương mại và các tổ chức kinh tế-thương mại thế giới và khu vực

5.44. Khoa học quản lý 2 TC

- *Học phần tiên quyết*: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam.

- *Nội dung học phần*:

Lý thuyết hệ thống trong quản lý; Tổng quan về quản lý; Các quy luật về nguyên tắc trong quản lý; Các chức năng quản lý; Các phương pháp và nghệ thuật quản lý.

5.45. Nghiệp vụ hải quan

2TC

-*Điều kiện tiên quyết*: Không

-*Nội dung học phần*:

Bao gồm các quy định pháp luật liên quan đến quản lý hàng hóa XNK, các quy chế hoạt động của cơ quan hải quan, các yêu cầu khai báo hải quan, thủ tục hải quan đối với hàng hóa XNK.

5.46. Bảo hiểm trong ngoại thương

2 TC

- *Học phần tiên quyết*: không

-*Nội dung học phần*:

Môn học gồm các nội dung cơ bản về bảo hiểm, Các loại hình bảo hiểm hàng hóa XNK, các đối tượng bảo hiểm của chủ hàng, các loại tổn thất và cách thức đòi bồi thường tổn thất.

5.47. Kỹ năng mềm 2

2TC

-*Điều kiện tiên quyết*: Không

-*Nội dung học phần*:

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức giao tiếp đàm phán và ký kết các hợp đồng dịch vụ logistics

5.48. Quản trị nhân lực

3TC

-*Điều kiện tiên quyết*: Không

-*Nội dung học phần*:

Bao gồm kiến thức về nguồn nhân lực, tuyển dụng, đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực trong các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ logistics.

5.49. Luật vận tải biển

3TC

-*Học phần tiên quyết*: Không

- *Nội dung học phần*: cung cấp toàn bộ những kiến thức cơ bản về pháp luật liên quan đến vận tải hàng hóa bằng đường biển, các quy định của pháp luật Việt nam và tập quán quốc tế về vận tải hàng hóa bằng đường biển.

5.50 Khoa học giao tiếp

2TC

-Học phần tiên quyết: Không

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và hướng dẫn thực hành các kỹ năng giao tiếp cần thiết trong môi trường kinh doanh, đặc biệt là giao tiếp trong môi trường kinh doanh quốc tế với các vấn đề về văn hóa, ngôn ngữ khác nhau giữa các quốc gia.